

Kinh tế vĩ mô quý I năm 2020: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Các nền kinh tế đầu tàu giảm tốc rõ rệt do tác động của dịch Covid - 19, hoạt động thương mại toàn cầu tiếp tục suy yếu và sản xuất toàn cầu đang thu hẹp;
- Chỉ số giá cả hàng hóa toàn cầu giảm mạnh, giá dầu ghi nhận mức giảm hơn 80% so với cuối năm ngoái;
- Đồng USD tiếp tục tăng, biến động mạnh trong tháng 3; ngoại trừ đồng JPY tiếp tục tăng giá thì các đồng tiền mạnh khác đều điều chỉnh giảm so với đồng USD;
- Giá vàng đã biến động mạnh;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu có quý giảm điểm mạnh nhất kể từ khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008;
- NHTW các nước lớn đã phải liên tục giảm lãi suất và nới lỏng CSTT để hỗ trợ nền kinh tế

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Tăng trưởng kinh tế ở mức thấp trong bối cảnh dịch Covid – 19, GDP quý I ước đạt 3,82% - mức tăng trưởng theo quý thấp nhất trong 10 năm vừa qua;
- Chỉ số IIP đạt mức tăng thấp trong 3 năm trở lại đây; Lĩnh vực sản xuất Việt Nam bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid – 19 với 2 tháng rơi vào ngưỡng thu hẹp;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong quý I chỉ đạt mức tăng trưởng thấp so với cùng kỳ năm trước;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội quý I đạt mức tăng thấp nhất trong vòng 5 năm qua, khu vực tư nhân vẫn là động lực dẫn dắt tăng trưởng tổng vốn đầu tư toàn xã hội, vốn giải ngân từ nguồn NSNN có sự cải thiện trong khi dòng vốn đầu tư nước ngoài sụt giảm so với cùng kỳ năm trước;
- Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều giảm so với cùng kỳ năm trước, cán cân thương mại xuất siêu 2,8 tỷ USD trong quý I;
- CPI bình quân quý I tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước;
- Thu NSNN vẫn diễn biến tích cực, chi NSNN có sự cải thiện ở cấu phần chi đầu tư phát triển;
- Lãi suất điều hành giảm hỗ trợ nền kinh tế trước tác động của dịch bệnh; Lãi suất huy động trong nền kinh tế đã giảm, bám sát định hướng điều hành của NHNN; Lãi suất liên ngân hàng diễn biến phù hợp;
- Tỷ giá đã biến động hơn so với cùng kỳ năm ngoái; Giá vàng trong nước tăng mạnh so với mức tăng của giá vàng thế giới;
- TTCK Việt Nam là một trong những thị trường điều chỉnh giảm mạnh nhất trong khu vực với lực bán ròng mạnh tập trung ở khối ngoại.

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Kinh tế thế giới

Kết thúc quý đầu năm 2020, những lo ngại về một cuộc chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc hay xung đột quân sự giữa Mỹ và Iran đã nhường chỗ cho đại dịch Covid-19. Sự bùng phát của dịch bệnh, kéo theo sự đình trệ trong các hoạt động thương mại, sản xuất trên toàn cầu và sự suy giảm rõ nét trong tăng trưởng tại các nền kinh tế chủ chốt. Bên cạnh đó, diễn biến phức tạp của dịch bệnh cũng ảnh hưởng mạnh đến tâm lý của nhà đầu tư, tạo ra các biến động mạnh trên các thị trường ngoại hối, vàng và chứng khoán.

Kinh tế Mỹ suy giảm rõ nét

Kinh tế Mỹ vào cuối quý I đang chứng kiến những diễn biến kém tích cực nhất kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 đến nay. Khu vực sản xuất là lĩnh vực chịu tác động nặng nề khi chỉ số PMI tổng hợp đã giảm sâu xuống dưới ngưỡng thu hẹp liên tiếp trong 2 tháng, kết thúc tháng 3 ở mức 40,5 điểm – mức thu hẹp mạnh nhất của khu vực sản xuất từ tháng 10/2009 trở lại đây. Sự thu hẹp tập trung trong lĩnh vực dịch vụ, trong khi đó khu vực chế biến chế tạo mặc dù cũng chịu tác động nhưng ở mức thấp hơn¹.

Trong lĩnh vực tiêu dùng, tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa cũng đang chậm lại với mức tăng giảm dần qua các tháng. Đặc biệt, chỉ số niềm tin người tiêu dùng đã giảm mạnh xuống mức 89,1 điểm trong tháng 3 – mức thấp nhất kể từ tháng 10/2016, phản ánh tiêu dùng sẽ giảm sút mạnh do tác động từ dịch bệnh trở nên rõ nét hơn.

Trên thị trường lao động, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp trong 2 tháng đầu năm và tăng vọt lên mức 4,4% trong tháng 3 - mức thất nghiệp cao nhất được ghi nhận kể từ tháng 8/2017. Diễn biến kém tích cực này cũng được phản ánh qua chỉ số việc làm được tạo thêm trong lĩnh vực phi nông nghiệp đã rơi vào tình trạng suy giảm lần đầu tiên kể từ tháng 9/2010 với mức giảm 701 nghìn việc làm trong tháng 3.

Lạm phát tại Mỹ đạt trên 2% so với cùng kỳ trong 2 tháng đầu năm sau đó có sự điều chỉnh giảm mạnh xuống còn 1,5% trong tháng 3.

Cục dự trữ liên bang Mỹ Fed đã dự báo tăng trưởng kinh tế tại Mỹ quý I/2020 ước chỉ đạt mức tăng -0,4% so với cùng kỳ.

Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



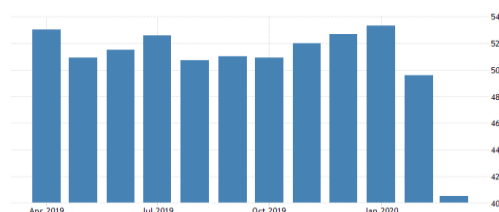
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp



Nguồn: Trading economics

¹ Kết thúc tháng 3, chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo tại Mỹ giảm xuống 49,2 điểm; trong khi đó PMI khu vực dịch vụ giảm mạnh xuống còn 39,1 điểm.

Kinh tế khu vực EU sụt giảm mạnh mẽ

Kinh tế khu vực EU cuối quý I cũng bắt đầu chịu tác động nặng nề từ dịch Covid-19. Khu vực sản xuất duy trì được đà mở rộng ổn định với chỉ số PMI tổng hợp giữ ở mức trên 50 điểm cho đến hết tháng 2, sau đó đột ngột điều chỉnh giảm mạnh xuống mức thấp nhất trong lịch sử là 31,4 điểm trong tháng 3. Sự thu hẹp mạnh mẽ này bắt nguồn từ sự đình đốn trong hoạt động sản xuất tại khu vực chế biến chế tạo cũng như sự đóng băng trong khu vực dịch vụ².

Trong khi đó, trong lĩnh vực tiêu dùng, tâm lý e ngại dịch bệnh cũng tác động phần nào đến niềm tin người tiêu dùng, thể hiện ở chỉ số niềm tin người tiêu dùng liên tục duy trì ở mức âm trong 3 tháng đầu năm, trong đó tháng 3 sụt giảm mạnh xuống mức -11,6 điểm.

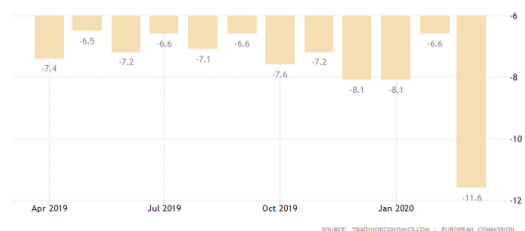
Tỷ lệ lạm phát tại khu vực EU đạt trên 1% trong 2 tháng đầu năm và giảm mạnh xuống chỉ còn 0,7% trong tháng 3. Thị trường lao động chưa ghi nhận nhiều diễn biến mới, tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức 7,3% - 7,4% trong 2 tháng đầu năm.

Kinh tế quý I năm 2020 tại khu vực EU được dự báo sẽ không tăng trưởng, thậm chí có thể suy giảm trong khoảng -0,1% đến -0,5%. Các nền kinh tế đầu tàu tại khu vực như Pháp, Đức, Italia đều dự báo sẽ rơi vào suy thoái trong quý I.

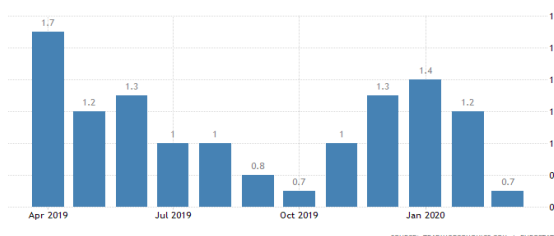
Tỷ lệ thất nghiệp (% yoy)



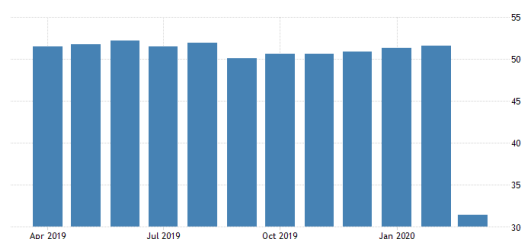
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Diễn biến lạm phát (% yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp



Nguồn: Trading economicsmics

Kinh tế Nhật Bản đối diện với nguy cơ suy thoái

Kinh tế của Nhật Bản đang cho thấy các tín hiệu suy giảm mạnh mẽ trên diện rộng. Trong lĩnh vực sản xuất, chỉ số PMI tổng hợp đã giảm mạnh xuống còn 35,8 điểm trong tháng 3, trong đó sự thu hẹp ghi nhận trong cả hai khu vực chế biến chế tạo và dịch vụ³. Sự chững lại trong hoạt động sản xuất cũng thể hiện qua niềm tin kinh doanh trong quý I cũng đã giảm xuống mức âm lần đầu tiên trong vòng 7 năm qua.

Trong khi đó, tiêu dùng nội địa đã bắt đầu thoát khỏi các tác động tiêu cực từ đợt tăng thuế tiêu dùng vào tháng 10 năm ngoái. Tốc độ tăng doanh số bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ sau 4 tháng liên tục có sự sụt giảm đã lấy lại mức

² Chỉ số PMI lĩnh vực chế biến chế tạo tại khu vực EU đã giảm xuống còn 44,8 điểm trong tháng 3 và PMI lĩnh vực dịch vụ giảm mạnh xuống còn 28,4 điểm trong tháng 3.

³ Trong tháng 3, chỉ số PMI khu vực chế biến chế tạo tại Nhật Bản giảm còn 44,8 điểm và khu vực dịch vụ giảm còn 32,7 điểm.

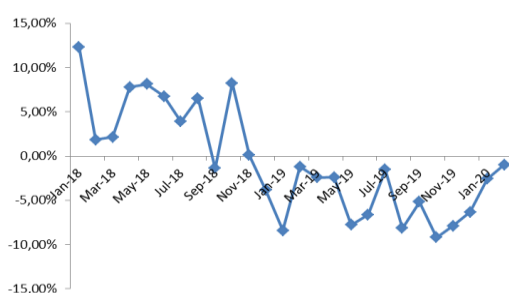
tăng trưởng 1,7% trong tháng 2. Tuy nhiên, diễn biến tích cực này có thể không duy trì được lâu khi những tác động thực sự của dịch Covid-19 đến lĩnh vực tiêu dùng sẽ biểu hiện rõ rệt hơn trong tháng 3.

Một điểm đáng lo ngại khác là kim ngạch xuất khẩu tại Nhật Bản đã có 15 tháng sụt giảm liên tiếp với mức giảm 2 tháng đầu năm lần lượt ở mức 2,6% và 1% so với cùng kỳ. Sự sụt giảm này vẫn xuất phát từ sự suy yếu của cầu thế giới, đặc biệt đối với nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của Nhật Bản là các sản phẩm chế biến chế tạo.

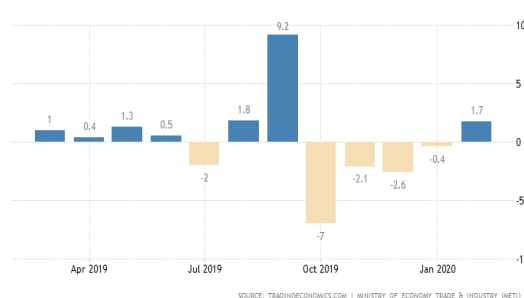
Lạm phát tại Nhật Bản tiếp tục duy trì ở mức dưới 1% và có xu hướng điều chỉnh giảm dần trong quý I, hiện đang ở mức tăng 0,4% so với cùng kỳ.

Kinh tế Nhật Bản trong quý I được dự báo sẽ tiếp tục điều chỉnh giảm 0,5% so với quý trước sau khi đã giảm 1,8% trong quý IV của năm ngoái.

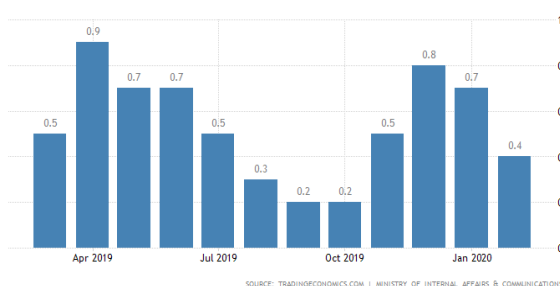
Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu (% yoy)



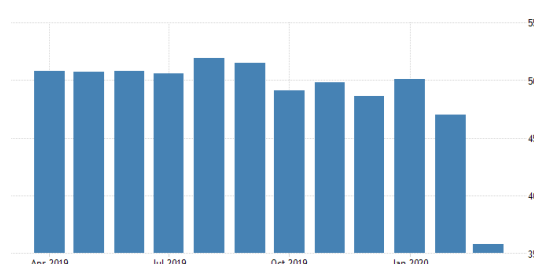
Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)



Diễn biến lạm phát (%yoy)



Chỉ số PMI tổng hợp



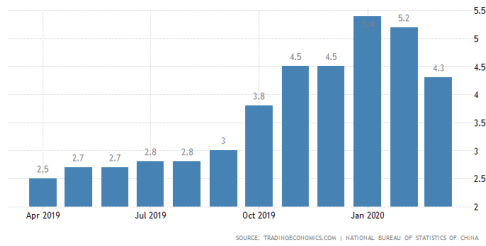
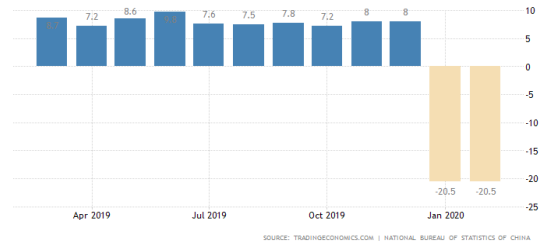
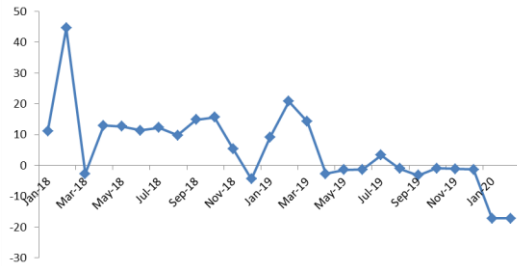
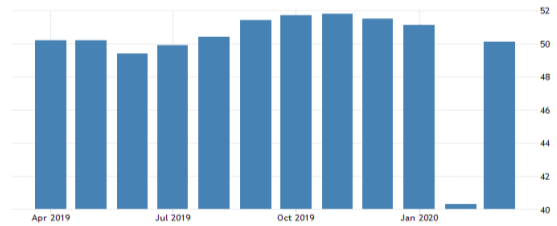
Nguồn: Trading economics

Kinh tế Trung Quốc bị ảnh hưởng mạnh bởi dịch bệnh

Kinh tế Trung Quốc đã suy giảm mạnh ngay từ đầu năm do là quốc gia đầu tiên chịu tác động của dịch Covid. Trong lĩnh vực sản xuất, chỉ số PMI lĩnh vực chế biến chế tạo đạt 51,1 điểm trong tháng 1, giảm mạnh xuống còn 40,3 điểm trong tháng 2 và quay trở lại ngưỡng mở rộng 50,1 điểm trong tháng 3. Trong khi đó, tăng trưởng doanh số bán lẻ hàng hóa tiêu dùng trong 2 tháng đầu năm đã giảm mạnh ở mức -20,5% so với cùng kỳ - đánh dấu sự suy giảm của hoạt động bán lẻ lần đầu tiên kể từ năm 1993.

Xuất khẩu cũng là lĩnh vực chịu tác động mạnh của diễn biến dịch bệnh khi kim ngạch xuất khẩu 2 tháng đầu năm đều đã giảm mạnh 17,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Lạm phát duy trì ở mức trên 5% trong 2 tháng đầu năm và giảm xuống còn 4,3% trong tháng 3.

Mặc dù dịch bệnh đã có những ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong những tháng đầu năm nhưng nền kinh tế Trung Quốc đang dần khởi động lại từ tháng 3 khi dịch bệnh được kiểm soát.

Lạm phát (% yoy)**Doanh số bán lẻ hàng hóa (% yoy)****Tăng trưởng xuất khẩu (% yoy)****Chỉ số PMI chế biến chế tạo**

Nguồn: Trading Economics

Triển vọng thương mại toàn cầu vẫn kém tích cực

Theo thống kê của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), chỉ số triển vọng thương mại toàn cầu (WTOI) quý I/2020 đang ở mức 95,5 điểm, mức thấp nhất kể khi bắt đầu thống kê chỉ số này vào quý III/2016 trở lại đây.

Hầu hết các cấu phần hoạt động thương mại theo thống kê của chỉ số WTOI đều diễn biến theo chiều hướng bất lợi do sự đình đốn trong các hoạt động giao thương và vận chuyển do các lệnh cách ly dịch bệnh gây ra. Thống kê giao dịch thương mại đối với các sản phẩm nông nghiệp thô, hàng điện tử và phương tiện vận chuyển đều rơi vào tình trạng thu hẹp với mức điểm đạt được chỉ xoay quanh mốc 90 điểm. Số lượng các đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng giảm xuống chỉ còn 98,5 điểm. Thống kê giao dịch thương mại qua đường biên giảm mạnh xuống còn 94,8 điểm trong khi giao dịch qua đường hàng không ở mức 100 điểm.

Chỉ số WTOI

Goods trade barometer
Index value, December 2019



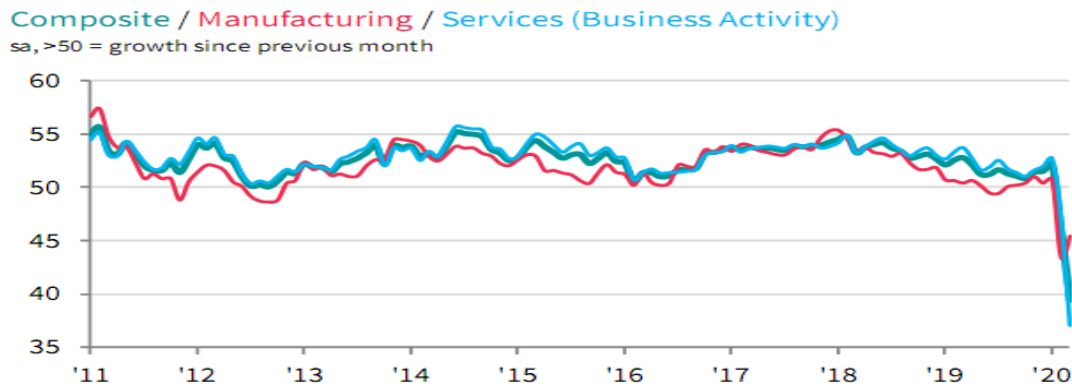
Nguồn: WTO Statistics (02/2020)

Hoạt động sản xuất toàn cầu thu hẹp mạnh mẽ

Chỉ số PMI tổng hợp toàn cầu theo thống kê của JP Morgan đã thu hẹp mạnh mẽ từ tháng 2 do những diễn biến kém tích cực từ hoạt động sản xuất toàn cầu cũng như tại các nền kinh tế chủ chốt. Chỉ số PMI tổng hợp toàn cầu chỉ duy trì được mức mở rộng 52,2 điểm trong tháng 1, nhanh chóng giảm xuống còn 46,1 điểm trong tháng 2 và 39,4 điểm trong tháng 3. Như vậy, hiện nay chỉ số PMI tổng hợp toàn cầu đang ở mức thấp nhất trong vòng 133 tháng qua.

Diễn biến kém tích cực của chỉ số PMI toàn cầu xuất hiện trên tất cả các lĩnh vực, từ khu vực chế biến chế tạo đến dịch vụ, từ hàng hóa đầu tư đến hàng hóa trung gian và hàng hóa tiêu dùng. Xu hướng thu hẹp cũng được ghi nhận tại nhiều nền kinh tế chủ chốt cũng như các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, vốn là đối tượng chịu tác động mạnh mẽ của dịch Covid – 19.

Diễn biến các chỉ số PMI tổng hợp, chế biến chế tạo và dịch vụ



Nguồn: JP Morgan Report (3/2020)

Giá cả hàng hóa thế giới giảm sâu trong quý I

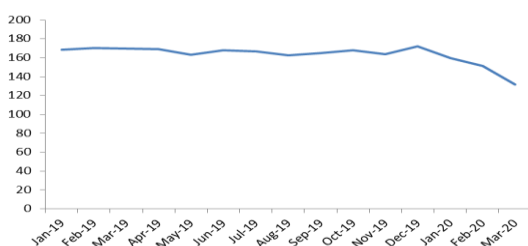
Trong quý I, trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh và xu hướng điều chỉnh giảm mạnh của mặt hàng dầu mỏ đã khiến giá cả hàng hóa toàn cầu có sự sụt giảm mạnh. Chỉ số giá cả hàng hóa chung theo thống kê của Bloomberg đã giảm liên tục trong cả 3 tháng của quý I với mức giảm lần lượt là 7,35%; 5,04% và 12,81% so với tháng trước. Như vậy, kết thúc quý 1, chỉ số giá hàng hóa chung đã điều chỉnh giảm mạnh 25,2% so với cuối năm 2019.

Trong nhóm hàng kim loại, giá tất cả các mặt hàng kim loại sản xuất đều điều chỉnh giảm do nhu cầu kim loại phục vụ cho hoạt động sản xuất đã chững lại đáng kể. Hầu hết giá các mặt hàng kim loại đã giảm liên tục trong cả 3 tháng của quý I, trong đó mức giảm mạnh cũng tập trung vào tháng 3. Kết thúc quý I, hầu hết các mặt hàng kim loại đều ghi nhận mức giảm giá xấp xỉ 20% so với cuối năm ngoái, trong đó đáng chú ý là đồng giảm 21,38%; nhôm giảm 16,4%; kẽm giảm 17,02%, thiết giảm 15,54%.

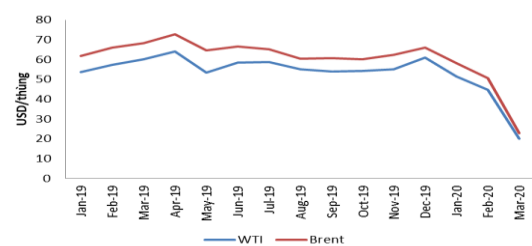
Trên thị trường các sản phẩm nông nghiệp thô, ngoại trừ một số mặt hàng như gạo, lúa mì vẫn giữ được mức tăng giá nhẹ từ 2 – 4% so với cuối năm ngoái do nhu cầu gia tăng tích trữ lương thực thì giá hầu hết các mặt hàng nông nghiệp thô khác giảm trên 10% so với cuối năm ngoái, trong đó đáng chú ý là cao su giảm 30,09%; gia cầm giảm 29,48%; cotton giảm 28%; đường giảm 20,66%.

Trong diễn biến của giá cả hàng hóa toàn cầu ghi nhận xu hướng giảm đáng chú ý của giá dầu mỏ. Trong quý I giá dầu WTI đã giảm mạnh khoảng 84% so với cuối năm ngoái, trong khi đó giá dầu Brent giảm 80%. Sự sụt giảm diễn ra chủ yếu trong tháng 3 với mức giảm lên đến trên 50% đối với cả hai loại dầu, sau khi OPEC và các nước đồng minh dầu mỏ thất bại trong nỗ lực tiếp tục kiểm soát sản xuất và xuất khẩu để hỗ trợ giá dầu. Kết thúc tháng 3, giá dầu WTI đang ở mức 20,1 USD/ thùng và giá dầu Brent ở mức 22,74 USD/thùng, đều là những mức giá thấp nhất được ghi nhận trong vòng 18 năm qua.

Diễn biến chỉ số giá hàng hóa chung



Diễn biến giá dầu



Nguồn: Bloomberg

2. Điều hành chính sách của NHTW các quốc gia

NHTW các nước lớn đã phải liên tục giảm lãi suất và nới lỏng CSTT để hỗ trợ nền kinh tế

Theo thống kê của tổ chức Central Bank News, tính đến cuối tháng 3 đã có 70 NHTW tiến hành cắt giảm lãi suất 108 lượt, trong đó có những NHTW đã cắt giảm lãi suất nhiều lần. Mức cắt giảm tập trung vào tháng 3 khi chỉ tính riêng trong tháng này đã có 59 NHTW cắt giảm lãi suất với tổng lượt cắt giảm là 74 lần. Tính đến cuối tháng 3, chỉ số lãi suất toàn cầu (GMPR) do Central Bank News thống kê ở mức 4,85%, giảm 0,84% so với cuối năm ngoái. Bên cạnh việc cắt giảm lãi suất, nhiều NHTW còn thực hiện các biện pháp cắt giảm dự trữ bắt buộc và liên tục bơm thêm tiền vào nền kinh tế.

- Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) là ngân hàng trung ương lớn đầu tiên đã cắt giảm lãi suất trong năm 2020 để đối phó với ảnh hưởng của dịch Covid 19. Ngày 20/2, PBOC đã cắt giảm lãi suất cho vay trung hạn kỳ hạn 1 năm từ 4,15% xuống còn 4,05% và kỳ hạn 5 năm từ 4,8% xuống 4,75%. Bên cạnh đó, PBOC cũng đã cắt giảm dự trữ bắt buộc thêm 50 điểm cơ bản đối với các TCTD lớn ngay từ đầu tháng 1/2020, đưa tỷ lệ dự trữ bắt buộc về mức 12,5%. Trong quý I, PBOC cũng liên tục bơm thêm tiền vào nền kinh tế thông qua các nghiệp vụ mua bán trên thị trường mở.

- Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã cắt giảm lãi suất 2 lần trong tháng 3, trong đó lần cắt giảm lãi suất đầu tiên diễn ra trong cuộc họp CSTT khẩn cấp vào ngày 3/3 với lãi suất dự trữ liên bang đã được điều chỉnh 50 điểm cơ bản xuống còn 1 – 1,25%. Tiếp đó, ngày 15/3, Fed tiếp tục cắt giảm lãi suất dự trữ liên bang 100 điểm cơ bản xuống còn 0 – 0,25%. Trong vòng 3 tháng của quý I, bảng cân đối tài sản của Fed cũng đã tăng mạnh từ mức 4,2 nghìn tỷ USD lên 5,8 nghìn tỷ USD sau khi Fed liên tục thực hiện các nghiệp vụ mua lại trên thị trường mở để bơm thêm tiền vào thị trường.

- NHTW châu Âu (ECB) trong tháng 3 đã mở rộng thêm chương trình thu mua tài sản. Cụ thể, ngày 12/3, ECB đã mở rộng quy mô chương trình thu mua tài sản hàng tháng (TLTLO – III) từ mức 30 tỷ EUR lên mức 120 tỷ EUR, dự kiến kéo dài đến hết tháng 7/2021. Ngày 18/3, ECB tiếp tục bổ sung một gói nới lỏng định lượng mới trị giá 750 tỷ EUR (PEPP) để hỗ trợ mua lại các tài sản cho các đối tượng trực tiếp chịu ảnh hưởng trực tiếp từ dịch Covid cho đến hết năm 2020.

- Nhiều NHTW tại các nền kinh tế phát triển đã phải cắt giảm lãi suất liên tục trong tháng 3 để hỗ trợ tăng trưởng, cụ thể NHTW Canada cắt giảm lãi suất 3 lần, NHTW Anh, Úc, Thụy Điển, Iceland cắt giảm lãi suất 2 lần, NHTW New Zealand cắt giảm lãi suất 1 lần.

- Tại các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, các NHTW cũng đã liên tục nới lỏng CSTT thông qua cắt giảm lãi suất hoặc hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc với xu hướng cắt giảm tập trung trong tháng 3. Trong quý I, có 63 NHTW tại các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi tiến hành cắt giảm lãi suất 84 lần, trong đó đáng chú ý một số NHTW đã cắt giảm lãi suất nhiều lần như NHTW Argentina đã cắt giảm lãi suất 7 lần, NHTW một số nước Đông Nam Á như NHTW Malaysia, Thái Lan, Phillippines, Indonesia cắt giảm lãi suất 2 lần, NHTW Hồng Kông, NHTW Hàn Quốc, NHTW Nga, NHTW Mexico cắt giảm lãi suất 2 lần,...

3. Diễn biến thị trường ngoại hối, vàng, chứng khoán

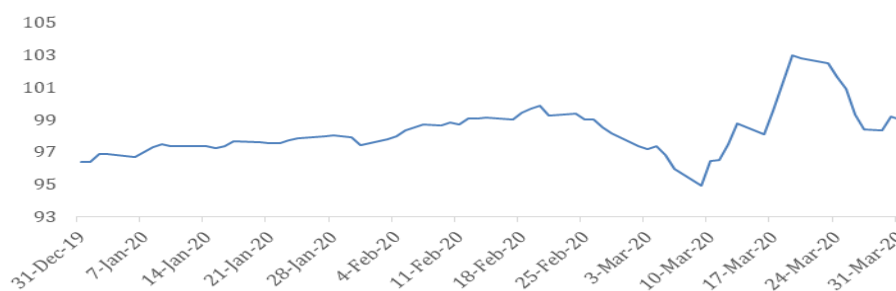
Đồng USD tiếp tục tăng, biến động mạnh trong tháng 3

Trong quý I/2020, trên thị trường ngoại hối, đồng bạc xanh là đồng tiền có diễn biến tích cực nhất, chỉ số USD index đã tăng lần lượt là 2,76% và 3,2% đối với chỉ số giao ngay và chỉ số kỳ hạn – đạt mức tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm ngoái. Trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát mạnh mẽ nhưng đồng USD đã duy trì xu hướng tăng trong 3 tháng, diễn biến tích cực đó được hỗ trợ bởi nhu cầu đầu tư tài sản an toàn trên thị trường, những lợi thế kinh tế của nước Mỹ so với các nước khác và tình hình căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đã giảm nhiệt sau kết quả đàm phán giai đoạn I diễn ra trong tháng đầu tiên của năm. Diễn biến của đồng USD khá ổn định, kéo dài từ tháng 1 cho đến giữa tháng 2 và bắt đầu chịu tác động rõ rệt bởi dịch bệnh trong tháng 3.

Trong tháng 3, khi dịch Covid – 19 đã chính thức trở thành đại dịch toàn cầu, nước Mỹ đã nếm trải những tác động trực tiếp của dịch bệnh ở tình trạng nghiêm trọng, đồng USD biến động rất mạnh, thậm chí trái với quy luật trước những phản ứng và kỳ vọng của thị trường trước các động thái chính sách của Chính phủ cũng như diễn biến của thị trường tài sản trên toàn cầu. Theo đó, đồng USD đã ghi nhận chuỗi giảm gần như liên tục kéo dài từ cuối tháng 2 đến gần 10 ngày giao dịch đầu của tháng 3, với tổng mức giảm xấp xỉ 5%, tỷ giá USD đã suy yếu so với các loại tiền tệ chủ chốt khác sau khi Fed áp dụng chính sách giảm lãi suất trong bối cảnh dịch Covid – 19 đang lan rộng trên cả nước Mỹ vào những ngày đầu tháng 3. Bên cạnh đó, đồng bạc xanh đã gặp nhiều trở ngại sau khi Tổng thống Donald Trump cấm các chuyến bay từ Châu Âu đến Mỹ trong 30 ngày để ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid – 19. Tuy nhiên, xu hướng giảm này đã không duy trì được ngay cả khi Fed tiến hành cắt giảm lãi suất mạnh hơn (1%), đồng bạc xanh đã bật tăng mạnh từ ngày 10 – 19/3 với tổng mức tăng lên đã vượt 8% trước nhu cầu nắm giữ tiền mặt tăng đột biến trong bối cảnh nước Mỹ và các nước lớn đang cân nhắc để thông qua các gói hỗ trợ kinh tế khổng lồ. Trong chuỗi tăng này, chỉ số USD index đã vượt ngưỡng 100 và duy trì trong khoảng 07 ngày giao dịch, đạt mức giá cao nhất là 102.99, ghi nhận mức tăng mạnh nhất/ngày giao dịch là 1,8%.

Mặc dù vậy, diễn biến tăng này đã đảo chiều từ ngày 20/3 cho đến hết tháng sau khi các gói chính sách về tiền tệ, tài khóa hỗ trợ nền kinh tế đã được thông qua. Đồng thời, việc Fed khởi động kế hoạch hoán đổi tiền tệ (SWAP) đối với các NHTW Canada, Anh, Nhật Bản, Châu Âu và Thụy Sĩ để giảm bớt sức nóng của nhu cầu tích trữ tiền mặt và số lượng đơn xin trợ cấp thất nghiệp tăng cao chưa từng thấy được công bố vào những ngày cuối tháng cũng đã chặn lại đà tăng của đồng bạc xanh trong tuần trước đó. Kết thúc tháng 3, USD index giao ngay và kỳ hạn chốt giao dịch lần lượt là 99 và 99.092.

Diễn biến chỉ số USD index



Nguồn: investing.com

Đồng EUR và đồng GBP đồng loạt giảm nhưng diễn biến đã khác nhau qua các tháng

Kết thúc quý I/2020, đồng EUR đã giảm hơn 1,65% so với đồng USD - thấp hơn mức giảm cùng kỳ năm ngoái (> 2%). Trong đó, đồng EUR sau khi giảm liên tục trong 2 tháng đầu năm đã tăng nhẹ ở mức 0,05% vào tháng 3/2020. Mặc dù, có tăng nhẹ vào tháng 3 nhưng diễn biến giảm mạnh vẫn xuất hiện trong khoảng 10 ngày giao dịch của tháng, cụ thể là chuỗi giảm từ ngày 10 – 19/3 với tổng mức giảm lớn hơn 6,6%, ghi nhận mức giảm lớn nhất/ngày giao dịch là 2,3%. Xu hướng giảm của đồng EUR bên cạnh sự ảnh hưởng của đồng USD trên thị trường còn bị chi phối bởi diễn biến dịch bệnh và kinh tế u ám của các nền kinh tế đầu tàu cũng như vấn đề chính trị bất ổn trong nội khối. Ngoài ra, lợi tức của trái phiếu kho bạc 10 năm của Mỹ tăng mạnh và các biện pháp kích thích kinh tế của Ngân hàng Trung ương Châu Âu chưa thỏa mãn được kỳ vọng của thị trường trong bối cảnh dịch bệnh đã không hỗ trợ cho đồng EUR. Đáng chú ý là Châu Âu đã trở thành chiến trường khốc liệt nhất trong cuộc chiến chống lại sự bùng nổ của dịch Covid – 19, trong đó tình hình tại Ý, Tây Ban Nha,... vẫn chưa có chuyển biến tích cực.

Mặc dù vậy, trong tháng 3, đồng EUR cũng có được những chuỗi tăng giá kéo dài so với đồng USD, từ ngày 2 – 9/3 và từ ngày 20 – 27/3 với tổng mức tăng khoảng 8% khi sức hút của đồng USD trên thị trường giảm nhiệt. Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá EUR/USD chốt giao dịch là 1.1031.

Mặc dù, cũng có diễn biến giảm trong quý I/2020, nhưng đồng GBP đã biến động mạnh hơn nhiều so với đồng EUR, giảm liên tục trong 3 tháng và giảm mạnh trên 3% vào tháng cuối quý. Kết thúc quý I, đồng GBP đã giảm trên 6% so với đồng USD. Về cơ bản xu hướng giảm của đồng GBP cũng bị tác động bởi các yếu tố chung về kinh tế, dịch bệnh và sức mạnh của đồng bạc xanh trên thị trường. Bên cạnh đó, diễn biến của đồng GBP còn bị ảnh hưởng mạnh bởi những chính sách của Chính phủ trong việc phòng chống dịch bệnh và tiến trình thực hiện các bước tiếp theo sau khi Anh chính thức rời khỏi EU vào năm 2020. Trong đó, đáng chú ý là việc BOE giảm lãi suất lần đầu tiên kể từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính toàn cầu năm 2008 để hỗ trợ cho nền kinh tế đang bị gián đoạn vì dịch bệnh; và xu hướng rút vốn của các nhà đầu tư ra khỏi nước Anh trong bối cảnh Chính phủ Anh có những quan điểm khác biệt so với các nước lớn khác trong việc kiểm soát dịch bệnh khi Thủ tướng Anh Boris Johnson đã thông báo kế hoạch dập dịch khá táo bạo, trong đó cho phép đến 80% dân số Anh nhiễm Covid – 19 để hình thành cơ chế miễn dịch cộng đồng. Trong tháng 3, đồng GBP cũng có xu hướng giảm rất mạnh từ ngày 10 – 19/3 với tổng mức giảm lớn hơn 12,5% trong đó, ghi nhận nhiều ngày giao dịch biến động trên 2%. Mặc dù vậy, đồng GBP cũng có 2 chuỗi tăng vào đầu tháng và cuối tháng – sát với diễn biến của đồng EUR, trong đó, đồng bảng Anh đã tìm thấy một số hỗ trợ sau khi gói kích thích trị giá 330 tỷ bảng Anh của Chính phủ Anh được công bố vào ngày 17/3. Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá GBP/USD giao dịch ở mức 1.2420.

Bên cạnh diễn biến giảm của đồng EUR và đồng GBP, 2 đồng tiền khác là đồng AUD và đồng CAD là những đồng tiền mạnh có diễn biến tồi tệ nhất trong quý I. Theo đó, đồng AUD đã giảm hơn 12,6% và đồng CAD đã giảm hơn 8% so với đồng USD. Đồng thời, cả 2 đồng tiền đều có diễn biến giảm mạnh nhất vào tháng 3 lần lượt hơn 5,7% và 4,95% so với đồng USD. Trong tháng 3, đồng AUD có chuỗi giảm mạnh từ ngày 9 – 19/3 với tổng mức giảm hơn 13%, ghi nhận mức giảm mạnh nhất là 3,84%/ngày giao dịch; đồng CAD có chuỗi giảm kéo dài hơn từ ngày 3 – 23/3 với tổng mức giảm lên đến 8,8%, ghi nhận nhiều ngày giảm khoảng 2%. Mặc dù vậy, cả 2 đồng tiền đã có diễn biến tăng trở lại

vào tuần giao dịch cuối tháng. Diễn biến của đồng AUD, đồng CAD trong quý I bị ảnh hưởng nặng nề từ tác động của dịch bệnh gây sức ép lên tăng trưởng kinh tế của mỗi nước; diễn biến suy giảm mạnh của giá dầu trên thị trường, diễn biến bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu cũng như sức mạnh của đồng USD trong các giao dịch,... Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá AUD/USD là 0.6136; cặp tỷ giá USD/CAD là 1.4061.

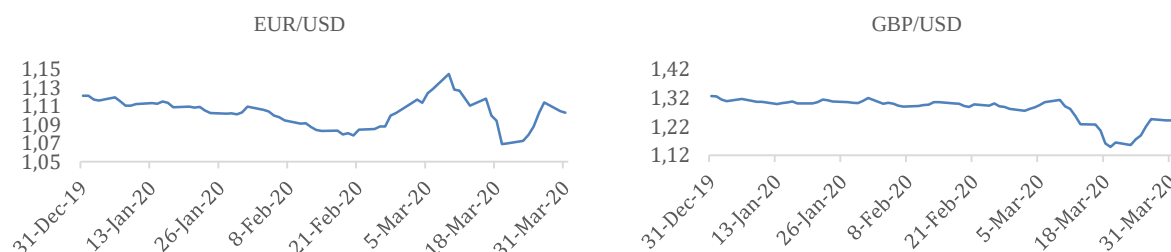
Đồng JPY liên tục tăng giá trong khi đồng CNY đã giảm liên tục trong 2 tháng

Trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát trên toàn cầu từ đầu năm đến nay, đồng JPY và đồng CNY đã có diễn biến trái chiều, kết thúc quý I/2020, đồng JPY đã tăng gần 1% và đồng CNY đã giảm hơn 1,7% so với đồng USD.

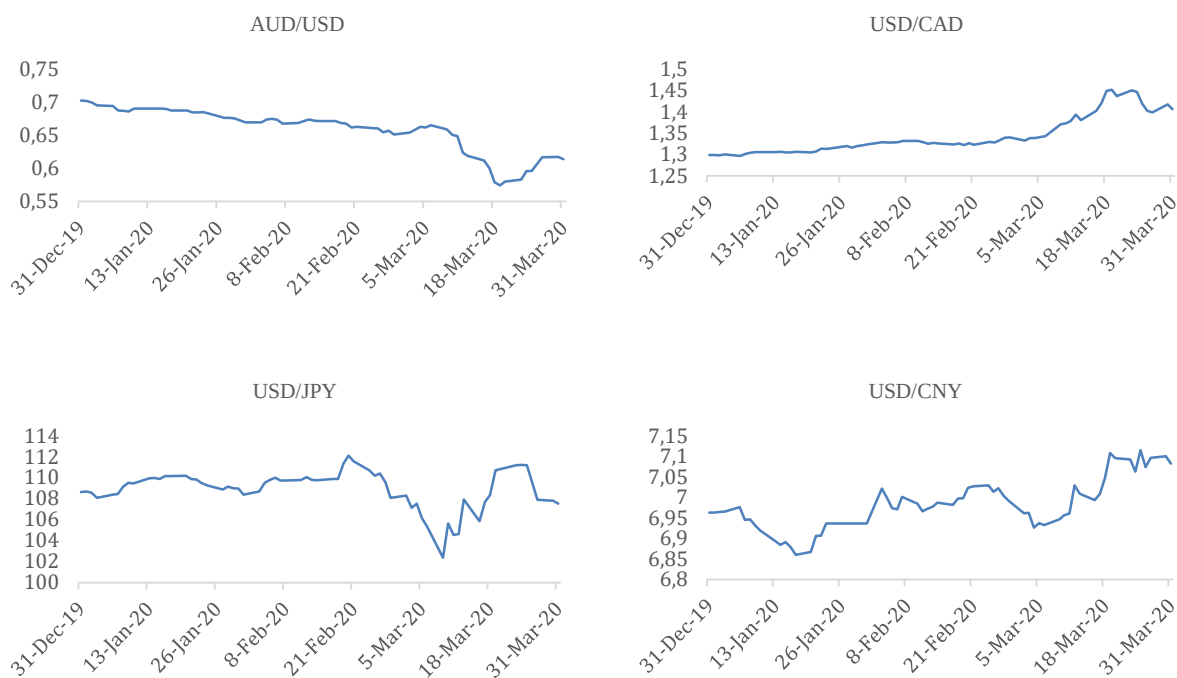
Trong quý I/2020, đồng JPY đã có 03 tháng tăng giá liên tục, tăng mạnh nhất ở mức 0,5% vào tháng 3/2020. Trước tình hình kinh tế diễn biến xấu trên diện rộng, đồng JPY vẫn được hỗ trợ mạnh mẽ bởi nhu cầu đầu tư tài sản an toàn, cụ thể là đồng JPY đã tăng mạnh 2,8% so với đồng USD vào ngày 9/3 – mức tăng mạnh nhất trong vòng 15 năm qua khi nỗi lo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu nhiều khả năng chững lại và giá dầu lao dốc đã tác động làm cho giới đầu tư đổ mạnh vào các tài sản an toàn như đồng JPY. Tuy nhiên, đà tăng của đồng JPY cũng bị hạn chế và đã hình thành nên chuỗi giảm từ ngày 12 – 24/3 trước khi có chuỗi tăng kéo dài từ ngày 25/3 cho đến hết tháng. Diễn biến giảm của đồng JPY đã diễn ra trước hành động cắt giảm lãi suất khẩn cấp của Fed, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản công bố các gói giải pháp kích thích bổ sung⁴ và sự tăng giá mạnh của đồng USD trên thị trường, trong chuỗi giảm này, đồng JPY cũng đã ghi nhận 02 ngày giao dịch giảm hơn 3%. Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá USD/JPY chốt giao dịch ở mức 107.54.

Trong khi đó, đồng CNY trong quý I/2020 đã tăng so với đồng USD vào tháng 1, giảm trong 2 tháng tiếp theo, giảm mạnh nhất trong tháng 3 ở mức xấp xỉ 1,3%. Diễn biến giảm của đồng CNY trong quý I cũng hoàn toàn dễ hiểu khi dịch Covid – 19 bùng phát đầu tiên ở Vũ Hán, Trung Quốc đã trải qua cú sụt giảm mạnh khi các nhà máy, cửa hiệu, nhà hàng trên khắp đất nước phải đóng cửa, các chỉ số kinh tế quan trọng đã lao dốc trong những tháng đầu năm mặc dù Chính phủ đã kịp thời đưa ra các gói hỗ trợ kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính. Trong tháng 3, đồng CNY có mức tăng mạnh nhất là 0,58%/ngày giao dịch, mức giảm mạnh nhất là 0,99%/ngày giao dịch. Đồng CNY đã giao dịch ở trên ngưỡng giá 7 vào ngày 12/3 và duy trì ngưỡng giá này từ ngày 17/3 cho đến hết tháng. Kết thúc tháng 3, cặp tỷ giá USD/CNY giao dịch ở mức 7.0825.

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh



⁴ BOJ sẽ mua lại 200 tỷ JPY (1,9 tỷ USD) trái phiếu chính phủ Nhật Bản. BOJ cũng cho biết rằng sẽ bơm thêm khoảng 1,5 nghìn tỷ Yên thông qua cho vay kì hạn 2 tuần



Nguồn: investing.com

Diễn biến thị trường vàng

Giá vàng biến động mạnh

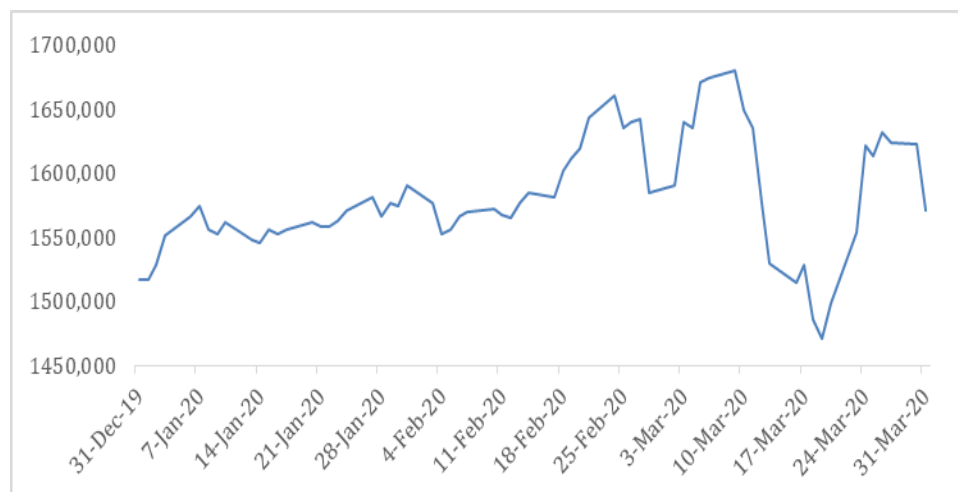
Giao dịch của vàng trên thị trường trong quý I/2020 đã có nhiều biến động mạnh, trong đó, diễn biến của giá vàng giao ngay và kỳ hạn đã có nhiều điểm đáng chú ý hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Kết thúc quý I, giá vàng giao ngay tăng 3,55% thấp hơn mức tăng 4,78% của giá vàng kỳ hạn. Trong đó, giá vàng giao ngay và kỳ hạn cùng tăng trên 4% trong tháng 1, giá vàng giao ngay đã giảm nhẹ trong 2 tháng tiếp theo, lần lượt là 0,32% và 0,87% song giá vàng kỳ hạn chỉ giảm trong tháng 2 và tăng 1,58% trong tháng 3. Diễn biến tăng của giá vàng trong Quý I chủ yếu được nâng đỡ bởi nhu cầu đầu tư tài sản an toàn trước diễn biến nghiêm trọng của dịch bệnh trên toàn cầu.

Trong tháng 3, mặc dù giá vàng tiếp tục giảm nhẹ nhưng đã ghi nhận một tháng biến động mạnh, mức tăng/giảm của giá vàng trong một ngày giao dịch đã lớn hơn 3%, cụ thể là mức giảm trong ngày 12, 13/3 và mức tăng trong ngày 23, 24/3 từ 3,71 – 4,39% đối với giá vàng giao ngay và lớn 5% đối với giá vàng kỳ hạn. Trong những ngày tăng mạnh, giá vàng đã có lúc vượt 1.700 USD/ounce song cũng nhanh chóng tuột khỏi ngưỡng giá này ngay trong ngày giao dịch. Thực tế này diễn ra khi giới đầu tư tăng cường mua vàng tương lai trên thị trường Mỹ trước quan ngại về việc ngừng hoạt động du lịch, hàng không và các nhà máy kim loại quý⁵ do sự bùng phát của dịch Covid-19 sẽ khiến việc vận chuyển vàng thời từ London đến Hoa Kỳ để đáp ứng các yêu cầu hợp đồng trở nên khó khăn hơn, chênh lệch giá vàng tương lai và giao ngay đã lên đến 70 USD/ounce. Ngoài ra, xu hướng tăng của giá vàng trong tháng cũng được hỗ trợ bởi những thông tin bất lợi cho đồng USD và nền kinh tế Mỹ; môi trường CSTT nói lỏng đang gia tăng mạnh trên thế giới. Ngoài ra, trong tháng vàng cũng đã trải qua nhiều ngày giao dịch giá giảm mạnh do nhu cầu nắm giữ tiền mặt tăng

⁵ Ba mỏ khai thác vàng lớn nhất thế giới bao gồm Valcambi, Argor-Heraeus và PAMP đã tạm ngưng sản xuất tại Thụy Sĩ trong vòng ít nhất 1 tuần bởi yêu cầu bắt buộc từ phía nhà chức trách nhằm ngăn sự lây lan của virus cúm corona tại Thụy Sĩ

cao, giới đầu tư phải chốt mức thua lỗ nhất định trên các thị trường đang bị ảnh hưởng từ dịch Covid – 19, trong chuỗi giảm từ ngày 10 – 16/3, giá vàng biến động dữ dội, chỉ trong 01 ngày giao dịch, giá vàng đã có lúc xuống còn 1.451,5 USD/ounce nhưng sau đó đã nhanh chóng phục hồi lên trên mốc 1.500 USD/ounce. Kết thúc tháng 3, giá vàng giao ngay và kỳ hạn chốt giao dịch lần lượt là 1.571,31 USD/ounce và 1.596,6 USD/ounce.

Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: usagold.com

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán toàn cầu giảm điểm mạnh

Thị trường chứng khoán toàn cầu trong quý I đã ghi nhận quý điều chỉnh giảm mạnh nhất từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 trở lại đây. Chỉ số MSCI ACWI giảm liên tục trong cả 3 tháng và mức giảm tăng dần qua các tháng, trong đó tháng 1 giảm 1,02%, tháng 2 giảm 8,21% và tháng 3 giảm 13,21%. Như vậy, kết thúc quý I, chỉ số MSCI ACWI đang ở mức 445,04 điểm, giảm 22,44% so với cuối năm ngoái. Sự điều chỉnh mạnh của thị trường chứng khoán toàn cầu trong quý I bắt đầu từ tâm lý hoảng loạn của thị trường khi dịch Covid bắt đầu bùng phát mạnh trên toàn cầu từ nửa cuối tháng 2, cộng hưởng với xu hướng giảm giá mạnh của giá dầu thô trong tháng 3 đã tạo ra những làn sóng bán tháo mạnh của nhà đầu tư.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI



Nguồn: msci.com

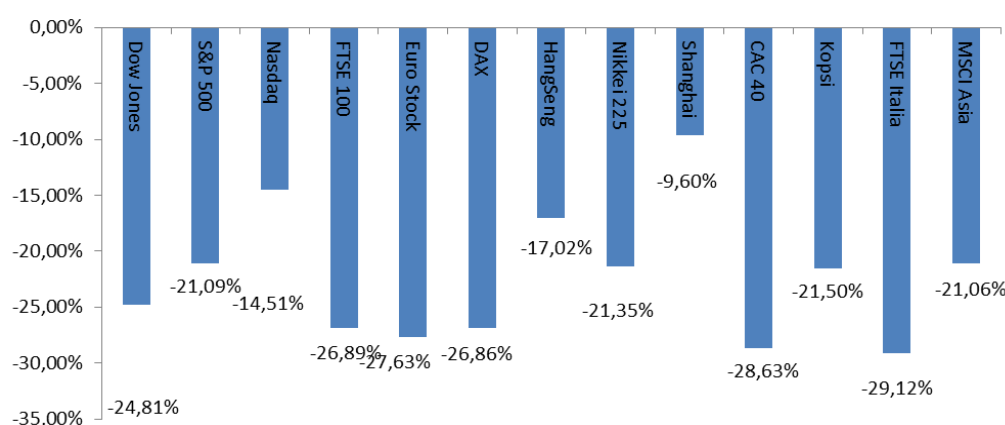
Trên thị trường chứng khoán Mỹ, xu hướng giảm điểm đã bắt đầu hình thành ngay từ đầu năm nhưng mức điều chỉnh không mạnh khi kết thúc tháng 1 cả 3 chỉ số chủ chốt giảm chưa đến 1% so với cuối tháng trước. Tuy nhiên, kể từ

ngày 19/2, khi dịch bệnh bắt đầu bùng phát và lan đến các nước phương Tây, thị trường chứng khoán Mỹ đã liên tục giảm mạnh. Trong đó, đáng chú ý Phố Wall đã phải 3 lần dừng giao dịch khẩn cấp do thị trường giảm giá quá mạnh (đều trên 7%). Kết thúc quý I, chỉ số Dow Jones giảm 24,81% so với cuối năm ngoái, chỉ số S&P 50 giảm 21,09% và chỉ số Nasdaq giảm 14,51%.

Sự lao dốc trên thị trường chứng khoán Mỹ cũng tạo ra hiệu ứng lan truyền đến các thị trường chứng khoán khác trên toàn cầu. Tại khu vực Châu Âu, chỉ số Euro Stock đã giảm 27,63% từ đầu năm đến nay, trong đó tháng 3 ghi nhận mức giảm mạnh nhất lên đến 16,3%. Các chỉ số chứng khoán chủ chốt trên các thị trường Anh, Pháp, Đức, Italia đều ghi nhận mức điều chỉnh mạnh xấp xỉ 30% trong quý I.

Tại Châu Á, các thị trường chứng khoán trong khu vực cũng chịu ảnh hưởng nặng nề từ sự bùng phát của dịch Covid 19. Chỉ số MSCI khu vực châu Á Thái Bình Dương đã giảm 21,06% so với cuối năm ngoái, trong đó chỉ số Nikkei 225 của Nhật giảm 21,35%, chỉ số Hang Seng của Hồng Kông giảm 17,02%. Một số thị trường chứng khoán trong khu vực là những đối tác thương mại đầu tư lớn với Trung Quốc như các thị trường chứng khoán Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Việt Nam đã ghi nhận những mức điều chỉnh giảm mạnh lên đến trên 30%. Điểm đáng chú ý là chỉ số chứng khoán Shanghai Composite của Trung Quốc diễn biến có phần khác biệt với các chỉ số chứng khoán chủ chốt khác trong khu vực khi giảm mạnh vào tháng 1 với mức giảm xấp xỉ 10% khi dịch bệnh bùng phát mạnh tại Trung Quốc trong thời điểm này và hồi phục lại trong 2 tháng tiếp theo. Theo đó, kết thúc quý I chỉ số Shanghai chỉ điều chỉnh giảm 9,6% so với cuối năm ngoái, là thị trường ghi nhận mức điều chỉnh giảm thấp nhất trong khu vực.

Diễn biến các chỉ số chứng khoán chủ chốt trong quý I



Nguồn: Bloomberg

4. Triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2020

Kinh tế toàn cầu đối mặt với rủi ro suy thoái ngày một rõ nét

Kinh tế toàn cầu trong quý I đã trải qua những tháng tăng trưởng khó khăn hơn nhiều so với những dự báo được đưa ra vào cuối năm ngoái. Trong bối cảnh những rủi ro thách thức đặt ra đối với kinh tế toàn cầu vẫn tiếp đan xen phức tạp và diễn biến khó lường, trong đó nổi lên là sự bùng phát chưa thể kiểm soát từ đại dịch Covid-19, biến động của giá dầu thô, các bất đồng chính trị vẫn đang có chiều hướng gia tăng tại khu vực Trung Đông và căng thẳng thương mại chưa được giải quyết triệt để sẽ tiếp tục là những rào cản đối với triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2020.

- *Về triển vọng tăng trưởng kinh tế:* Từ đầu năm đến nay, khi đại dịch Covid-19 ngày càng lan rộng, chưa được kiểm soát, diễn biến nhanh, khó lường; dự báo của các tổ chức quốc tế lớn đã luôn phải thay đổi, cập nhật về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng như các nước, khu vực lớn như Mỹ, châu Âu, Anh, Trung Quốc, Nhật Bản.

Mặc dù chưa có số liệu kinh tế quý I/2020, song đến nay, nhiều tổ chức lớn như IMF, WB, Bloomberg, JPMorgan Chase, Goldman Sachs, Citi Group,... đều đã đưa ra nhận định về khả năng suy thoái kinh tế Mỹ và toàn cầu ngày càng rõ nét hơn.

Gần đây nhất khảo sát của Bloomberg tiến hành cuối tháng 3 cho thấy, xác suất xảy ra suy thoái kinh tế đã tăng lên 53%, so với mức chỉ 25% trong khảo sát trước đây. Trong khi đó, kết quả khảo sát vào giữa tháng 3 của Focus-Economics cho biết có đến 64% chuyên gia và tổ chức được khảo sát dự báo kinh tế thế giới sẽ suy thoái trong vòng 12 tháng tới, cao hơn mức 43% tại khảo sát một tuần trước đó.

- *Về triển vọng thương mại, sản xuất:* Trong bối cảnh các hoạt động giao thương trên toàn cầu tiếp tục đình đốn, các chuỗi cung ứng sản xuất liên tục bị gián đoạn khi tình hình dịch bệnh chưa được kiểm soát, các tổ chức quốc tế tiếp tục đưa ra các nhận định tiêu cực về triển vọng các hoạt động thương mại, sản xuất trên toàn cầu. Những dự báo mới nhất từ các tổ chức WTO và UNCTAD đều cho thấy dòng chảy thương mại sẽ bị đình trệ trong năm 2020, theo đó thương mại sẽ không còn duy trì được đà tăng trưởng mà có thể quay lại tình trạng sụt giảm như một số năm đầu sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Tương tự như vậy, hoạt động sản xuất toàn cầu sẽ tiếp tục đóng băng ít nhất cho đến hết quý II/2020 khi các nước đã cơ bản kiểm soát được tình trạng dịch bệnh và các lệnh cách ly trên toàn cầu được dỡ bỏ.

- *Về diễn biến giá cả hàng hóa:* Dịch Covid-19 đã lan rộng khắp thế giới, đã và đang ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế từng nước, khu vực, cũng như kinh tế thế giới nói chung; trong đó nhiều nền kinh tế lớn có nguy cơ rơi vào suy thoái hoặc giảm mạnh tốc độ tăng trưởng. Hệ quả là, nhu cầu thế giới về hàng hóa nói chung, trong đó có xăng dầu sụt giảm mạnh. Trong những tháng sắp tới, giá dầu sẽ tiếp tục chịu tác động từ hai yếu tố đó là nguồn cung vẫn gia tăng và cầu suy giảm do triển vọng kinh tế toàn cầu ảm đạm. Do đó, dự báo giá dầu sẽ vẫn còn giữ ở mức thấp trong một thời gian nữa trước khi hồi phục trở lại khi các quốc gia sản xuất dầu tìm được tiếng nói chung trong cắt giảm sản lượng và tình hình dịch bệnh lắng xuống.

- *Về triển vọng thị trường ngoại hối, vàng, chứng khoán:* Tác động bất lợi của dịch bệnh đã tạo ra những gián đoạn và xáo trộn trong sự vận động của kinh tế toàn cầu nói chung và của mỗi nền kinh tế nói riêng và nếu tiếp tục kéo dài sẽ dẫn đến tình trạng cạn kiệt, suy thoái trên diện rộng. Trước bối cảnh đó, thị trường ngoại hối được dự báo sẽ tiếp tục không thuận lợi, nhu cầu nắm giữ các tài sản an toàn sẽ gia tăng. Trong đó, vàng sẽ là tài sản có khả năng tăng giá mạnh nhất, nhiều dự báo cho rằng vàng có thể đạt được mức giá 2000 USD/ounce vào Quý II, thậm chí ngân hàng đầu tư B.Riley FBR còn gây sốc hơn khi đưa ra dự báo vàng sẽ cán mốc 2.500 USD/ounce (tương đương 71 triệu đồng/lượng). Mặc dù vậy, Công ty TD Securities cũng cảnh báo về đà lao dốc không phanh của vàng sau những đợt tăng mạnh. Ngoài ra, đồng USD tiếp tục được dự báo sẽ tăng giá và đà tăng của đồng JPY có thể phải đảo chiều khi những tác động của dịch bệnh đã rõ nét hơn vào cuối tháng 3, trong khi đó các

đồng tiền khác sẽ tiếp tục đương đầu với xu hướng giảm, đặc biệt trong trường hợp khó khăn và thách thức do tác động của dịch bệnh gia tăng.

Thị trường chứng khoán toàn cầu sau quý I đã điều chỉnh giảm mạnh và đang khiến nhiều nhà đầu tư lo ngại về một đợt suy thoái theo chu kỳ 10 năm có thể sẽ diễn ra vào năm 2020. Những tác động tiêu cực từ dịch bệnh, những diễn biến bất ổn trong môi trường kinh tế, chính trị toàn cầu sẽ tiếp tục tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư và đẩy thị trường tiếp tục đối mặt với một số đợt điều chỉnh giảm mạnh trong những quý sắp tới. Mặc dù vậy, việc các nước đang tích cực triển khai các gói kích thích kinh tế và thực hiện CSTT nói lỏng sẽ phần nào giúp ổn định tâm lý thị trường và kìm hãm bớt đà giảm. Tuy nhiên, nếu các điều kiện kinh tế vĩ mô nền tảng chưa thực sự được cải thiện thì nhìn về tổng quan thị trường chứng khoán toàn cầu sẽ sụt giảm trở lại sau năm 2019 ghi nhận mức tăng trưởng cao.

KINH TẾ TRONG NƯỚC

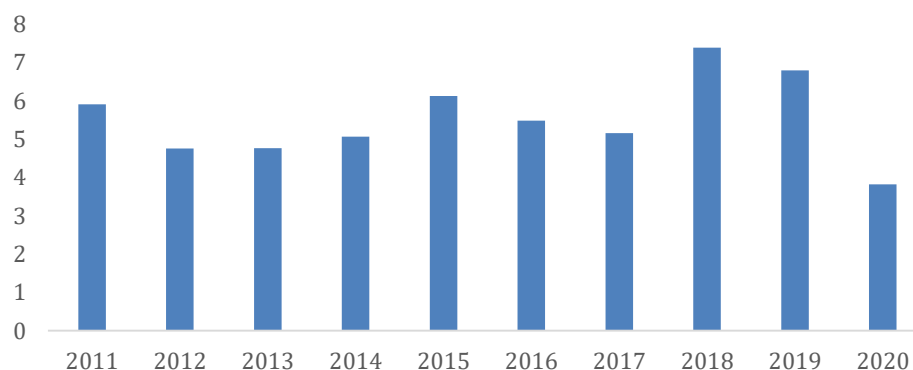
1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế ở mức thấp trong bối cảnh dịch Covid – 19

Tăng trưởng kinh tế quý I/2020 đạt 3,82% - mức tăng trưởng theo quý thấp nhất trong 10 năm vừa qua. Mặc dù vậy, đây cũng là các số khả quan trong bối cảnh đại dịch Covid – 19 bùng phát, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,08%, đóng góp 0,2% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,15%, đóng góp 58,4%; khu vực dịch vụ tăng 3,27%, đóng góp 41,4%.

Tốc độ tăng trưởng GDP Quý I giai đoạn 2011 – 2020

(% so với cùng kỳ)



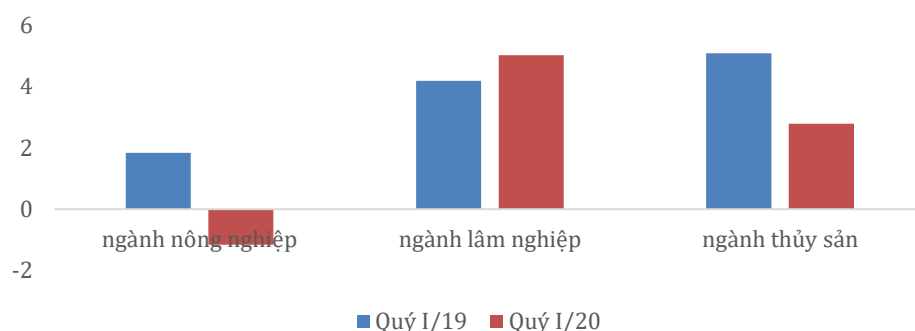
Nguồn: TCTK

So với cùng kỳ năm trước tốc độ tăng trưởng của 03 khu vực kinh tế chủ chốt này đều thấp hơn rất nhiều, trong đó bị ảnh hưởng mạnh nhất là khu vực dịch vụ. Cụ thể như sau:

+ Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng thấp so với mức 2,68% của cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi; hạn hán, xâm nhập mặn tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long; dịch cúm gia cầm có nguy cơ bùng phát và dịch Covid – 19 diễn biến phức tạp. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng trưởng âm 1,17% - giống với diễn biến của quý I/2016 (giảm 2,69%), làm giảm 0,1 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; Ngành lâm nghiệp tăng 5,03%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; Ngành thủy sản tăng 2,79%, thấp hơn mức tăng 4,96% và 5,42% của cùng kỳ các năm 2018 và 2019, đóng góp 0,07 điểm phần trăm.

**Mức tăng trưởng của các nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong
Quý I/2019 và Quý I/2020**

(% so với cùng kỳ)

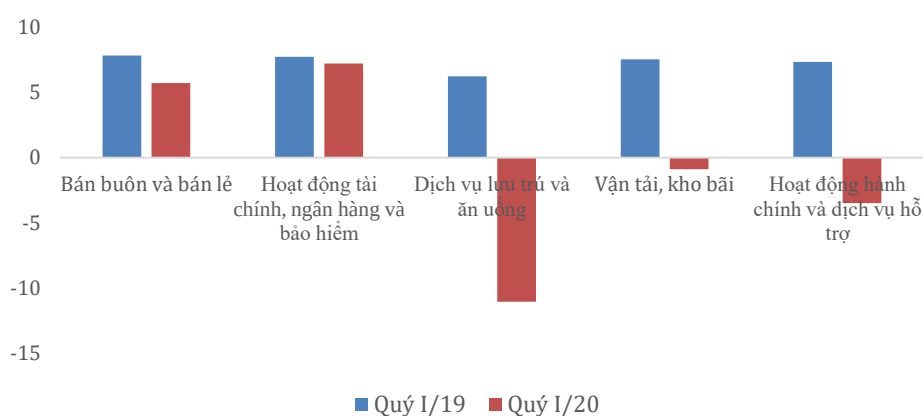


Nguồn: TCTK

+ Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng thấp hơn khoảng một nửa so với tốc độ tăng của cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, mặc dù một số ngành kinh tế có được tốc độ tăng trưởng ổn định như hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,19%; ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội tăng 9,97%; ngành thông tin truyền thông tăng 7,78% song cũng có một số nhóm ngành chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tình hình bệnh dịch đã tăng trưởng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ năm 2019, cụ thể ngành bán buôn và bán lẻ tăng 5,69% (cùng kỳ năm 2019 tăng 7,91%). Các ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống, vận tải kho bãi, hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ đều tăng trưởng âm với mức giảm lần lượt là 11,04%; 0,9% và 3,5%.

**Một số ngành chủ lực trong khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng thấp hoặc giảm trong
Quý I/2019 và Quý I/2020**

(% so với cùng kỳ)

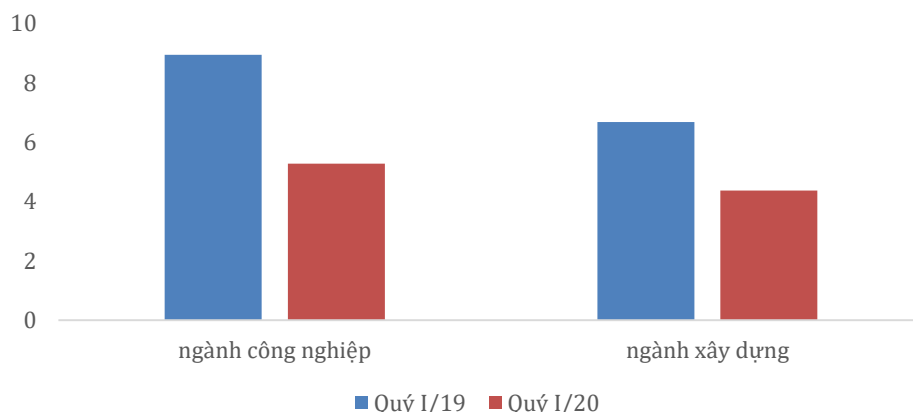


Nguồn: TCTK

+ Khu vực công nghiệp và xây dựng cũng có tốc độ tăng thấp, trong đó khu vực công nghiệp ước tăng 5,28%, khu vực xây dựng ước tăng khoảng 4,37% so với cùng kỳ năm 2019. Trong khu vực công nghiệp xu hướng diễn biến của các nhóm ngành không có gì thay đổi, cụ thể xu hướng tăng vẫn diễn ra đối với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở mức 7,12%, đóng góp 1,64 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất điện và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 7,46%; Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,67% trong khi ngành khai khoáng tiếp tục giảm, ở mức 3,18%, làm giảm 0,21 điểm phần trăm.

**Mức tăng trưởng của các nhóm ngành công nghiệp và xây dựng trong
Quý I/2019 và Quý I/2020**

(% so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK

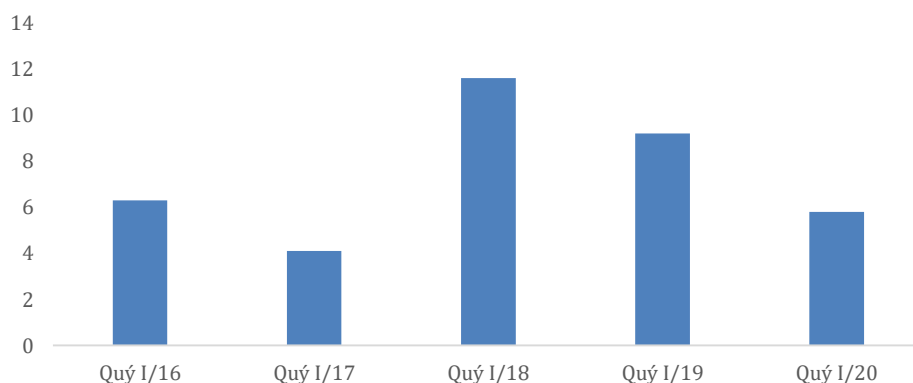
Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,11%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,52%; khu vực dịch vụ chiếm 43,71%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,66% - không có nhiều thay đổi so với quý I/2019, lần lượt là 10,15%; 35,31%; 43,99%; 10,55%.

Trong khi đó, về góc độ sử dụng GDP quý I/2020, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,07% so với cùng kỳ năm 2019; tích lũy tài sản tăng 2,20%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 1,59%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 1,05% - thấp hơn rất nhiều so với mức tăng của cùng kỳ năm ngoái lần lượt là 7,09%; 6,2%; 6,81%; 8,7%.

**Chỉ số IIP
đạt mức tăng
thấp trong 3
năm trở lại
đây**

Chỉ số IIP – chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trong quý I ước tăng 5,8%, thấp hơn mức tăng trên 9% của quý I/2019, đồng thời đạt mức tăng thấp trong quý I trong nhiều năm trở lại đây (ngoại trừ năm 2017), so với tháng trước chỉ số IIP toàn ngành sau khi đạt tốc độ tăng trưởng âm vào tháng 1 (ước tính giảm 11,8%) đã được cải thiện trong tháng 2 và tháng 3 với mức tăng ước đạt 8,4% và 10,8%.

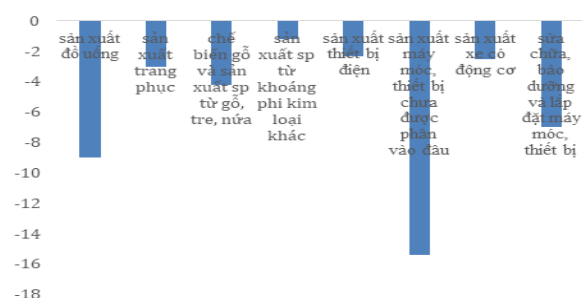
Diễn biến tốc độ tăng trưởng IIP quý I so với cùng kỳ năm trước giai đoạn 2016-2020



Nguồn: TCTK

Tuy nhiên, do dịch Covid – 19 diễn biến phức tạp tại một số quốc gia đã ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất công nghiệp, đặc biệt là ngành chế biến, chế tạo – trụ cột chính của sản xuất công nghiệp. Trong đó, đã ghi nhận 08 nhóm ngành có tốc độ tăng trưởng âm, giảm trong khoảng từ 1,2% - 15,4% và chỉ có khoảng 06 ngành có tốc độ tăng trưởng từ 8% trở lên.

Một số ngành có chỉ số sản xuất Quý I/2020 giảm so với cùng kỳ năm trước



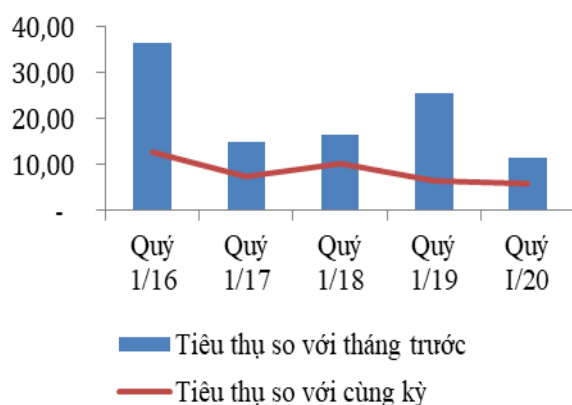
Một số ngành có chỉ số sản xuất Quý I/2020 tăng trưởng từ 8% trở lên so với cùng kỳ năm trước



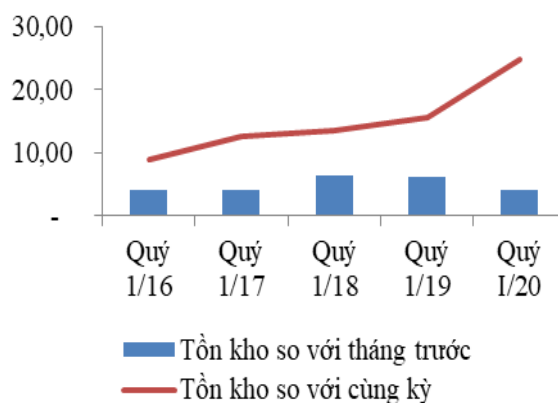
Diễn biến giảm của sản xuất công nghiệp đã ảnh hưởng ngay tới hoạt động tồn kho và tiêu thụ. Theo đó, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng thấp ở mức 2,8% - thấp hơn nhiều so với mức tăng 8% của cùng kỳ năm trước. Chỉ số tiêu thụ tăng cao tập trung ở nhóm ngành sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; công nghiệp chế biến, chế tạo khác với tốc độ tăng trưởng trên 20%. Trong khi đó, cũng xuất hiện các nhóm ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp, giao động từ 1,4 – 2,6% như ngành sản xuất giường tủ bàn ghế, sản xuất chế biến thực phẩm, sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn.

Bên cạnh đó, so với cùng kỳ năm trước chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính đến cuối tháng 3 tăng 24,9% - tăng cao hơn so với mức tăng 15,6% của quý I/2019. Chỉ số tồn kho tăng cao giao động từ 27,5% - 122,5% tập trung ở nhóm ngành sản xuất chế biến thực phẩm, dệt, sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản xuất kim loại, sản xuất xe có động cơ, sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành CN chế biến, chế tạo



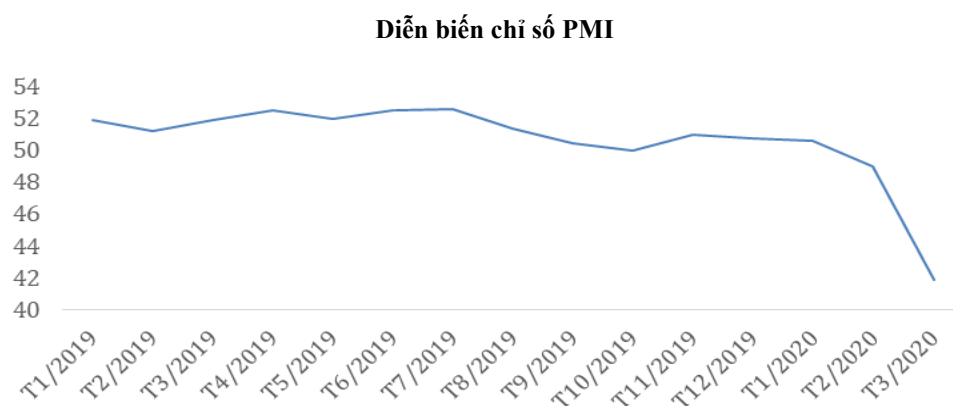
Chỉ số tồn kho toàn ngành CN chế biến, chế tạo



Nguồn: TCTK

Lĩnh vực sản xuất Việt Nam bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid – 19

Như vậy, cũng giống như các nước trong khu vực và trên thế giới, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam đã suy giảm với mức độ mạnh nhất trong lịch sử khảo sát chỉ số PMI - Chỉ số quản trị nhà mua hàng. Theo đó, chỉ số PMI đã giảm liên tục trong 3 tháng và có 02 tháng ở dưới ngưỡng 50 điểm, thậm chí chỉ số PMI đã giảm mạnh từ mức 49 điểm trong tháng 2 xuống 41,9 điểm trong tháng 3.



Nguồn: Nikkei

Trong tháng 3, mức giảm kỷ lục đã xuất hiện trong diễn biến của các nhân tố chính cấu thành chỉ số như sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm. Số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng đã giảm với tốc độ nhanh nhất trong lịch sử chỉ số, với tổng số lượng đơn đặt hàng mới giảm gần tương đương với số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới. Khoảng 42% số người trả lời khảo sát cho biết sản lượng ngành sản xuất đã giảm vào thời điểm cuối quý I. Sự suy giảm mạnh được ghi nhận ở tất cả ba lĩnh vực là hàng hóa tiêu dùng, hàng hóa trung gian và hàng hóa đầu tư cơ bản.

Bên cạnh đó, mặc dù sản xuất đang phải đối mặt với những thách thức lớn khi chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn song các công ty cũng giảm hoạt động mua hàng và lượng hàng tồn kho. Cụ thể, hoạt động mua hàng đã giảm kỷ lục trong tháng 3 dẫn đến tồn kho hàng mua đã giảm với mức độ chưa từng có. Đồng thời, tồn kho thành phẩm cũng giảm đáng kể và mức giảm là lớn nhất trong vòng hơn sáu năm.

Ngoài ra, tháng 3 tiếp tục ghi nhận xu hướng tăng của chi phí đầu vào nhưng tốc độ tăng ở mức chậm nhất trong 4 tháng. Trong đó, một số nhóm ngành có chi phí đầu vào tăng do khan hiếm nguyên vật liệu trong khi đó một số nhóm ngành khác lại ghi nhận chi phí đầu vào giảm là do tình trạng thiếu lực cầu hàng hóa đầu vào và giá dầu giảm.

Cuối cùng, mức độ lạc quan trong lĩnh vực kinh doanh cũng giảm về mức đáy mới. theo kết quả khảo sát chỉ số này, hơn một phần tư các công ty dự báo sản lượng giảm trong năm tới. Tuy nhiên, chỉ chưa đến 39% số người trả lời khảo sát dự kiến sản lượng sẽ cao hơn mức hiện tại, với kỳ vọng phục hồi khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I tăng thấp so với cùng kỳ năm trước

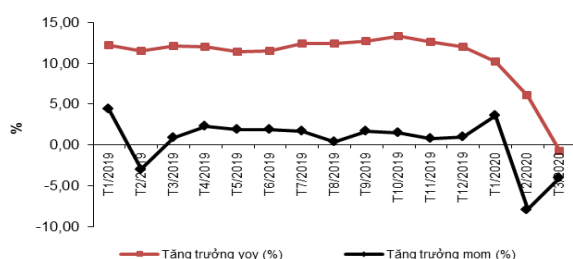
Lo ngại dịch Covid - 19 lây lan đã tác động đến tâm lý người tiêu dùng, làm hạn chế mua sắm nơi công cộng, đi du lịch và ăn uống ngoài gia đình nên tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong quý I chịu nhiều ảnh hưởng. Cụ thể, chỉ tiêu này chỉ duy trì được mức tăng 3,6% so với tháng trước trong tháng 1 do nhu cầu mua sắm vẫn tăng cao đợt trước Tết Nguyên đán, nhưng nhanh chóng điều chỉnh giảm lần lượt 7,9% và 4% trong 2 tháng tiếp theo. So với cùng kỳ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cũng chỉ duy trì được đà tăng tốt 10,2% trong tháng 1, tăng chậm lại còn 6% trong tháng 2 và bước sang tháng 3 giảm 0,8% - mức giảm đầu tiên trong giai đoạn 2016-2020⁶.

⁶ Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2019 lần lượt là: 10,4%; 12,2%; 11,4%; 12,3%.

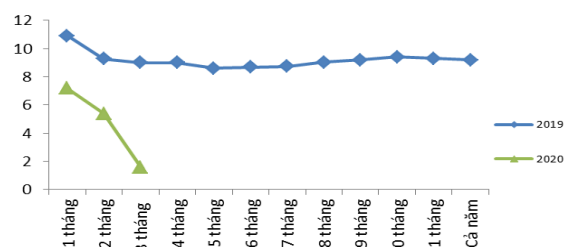
Như vậy, tính chung cả quý I, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.246,1 nghìn tỷ đồng, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 1,6%, thấp hơn nhiều mức tăng của cùng kỳ năm 2019 là 9,3%.

Xét theo ngành hoạt động, trong khi doanh thu từ ngành bán lẻ vẫn duy trì được đà tăng trưởng thì doanh thu từ 2 ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch, lữ hành đều giảm mạnh do tác động của dịch bệnh. Cụ thể, doanh thu bán lẻ hàng hóa quý I năm nay ước tính đạt 985,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 79,1% tổng mức và tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 126,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và giảm 9,6%; Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 7,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng mức và giảm 27,8%.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ (%)



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (% yoy)



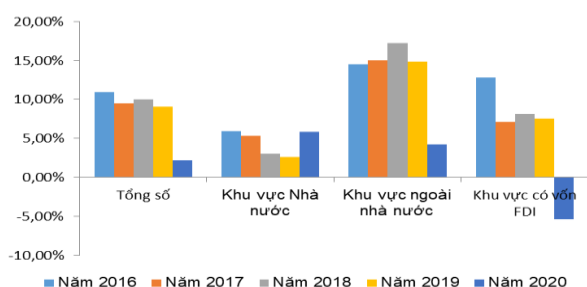
Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư toàn xã hội đạt mức tăng trưởng thấp nhất trong 5 năm qua

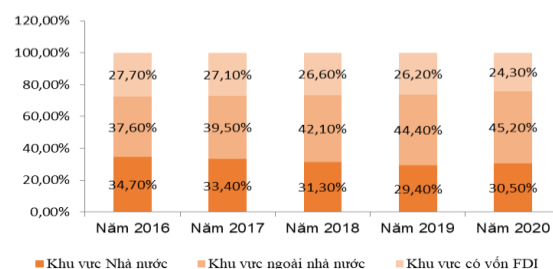
Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I năm 2020 ước tính đạt 367,9 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước và bằng 31% GDP, là mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Trong đó, khu vực Nhà nước đạt mức tăng trưởng tốt nhất trong cả 3 khu vực là 5,8%, cao hơn mức tăng trưởng cùng kỳ của năm ngoái; trong khi đó tăng trưởng vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lần lượt đạt 4,2% và -5,4% đều chậm lại so với cùng kỳ các năm trước, thậm chí khu vực nước ngoài còn rơi vào tình trạng suy giảm lần đầu tiên trong vòng 5 năm qua.

Xét về cơ cấu, vốn đầu tư từ khu vực ngoài Nhà nước tiếp tục củng cố vai trò dẫn đầu trong đóng góp vào tổng vốn đầu tư toàn xã hội, hiện đã chiếm hơn 45% tổng vốn, trong khi đó vốn đầu tư từ khu vực Nhà nước mức đóng góp chiếm khoảng 30% tổng vốn, tỷ trọng vốn đầu tư từ khu vực nước ngoài giảm so với cùng kỳ một số năm trước xuống chỉ còn chiếm khoảng 24% tổng vốn.

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư của các khu vực kinh tế so với cùng kỳ trong quý I giai đoạn 2016 – 2020



Tỷ trọng đóng góp vào vốn đầu tư toàn xã hội phân theo khu vực kinh tế quý I giai đoạn 2016 – 2020

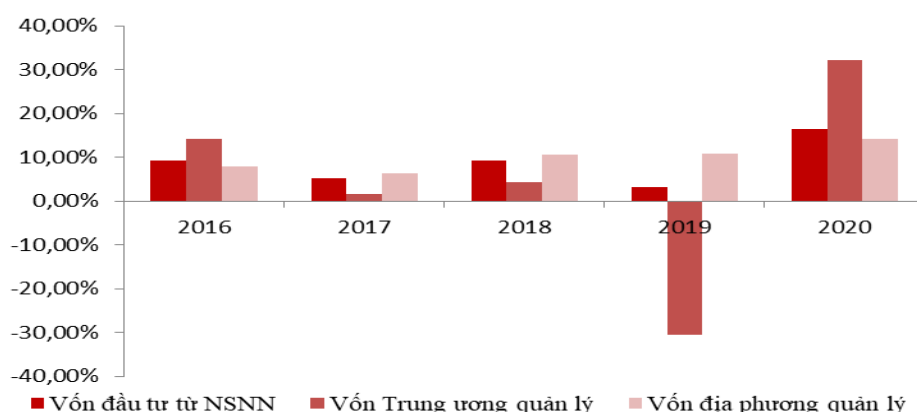


Nguồn: TCTK

Vốn từ nguồn NSNN diễn biến tích cực hơn so với cùng kỳ năm ngoái

Vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện quý I/2020 ước tính đạt 59,5 nghìn tỷ đồng, bằng 13,2% kế hoạch năm và tăng 16,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 bằng 13,3% và tăng 3,7%). Vốn từ NSNN đạt mức tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước là tín hiệu tích cực phản ánh kết quả việc Chính phủ thực hiện quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công. Trong đó, vốn trung ương quản lý đạt 8,6 nghìn tỷ đồng, bằng 11,1% kế hoạch năm và tăng 32,1% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương quản lý đạt 50,9 nghìn tỷ đồng, bằng 13,6% kế hoạch năm và tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước; đều là những mức tăng trưởng tích cực hơn so với cùng kỳ một số năm trước.

Tăng trưởng các cấu phần vốn đầu tư từ NSNN trong quý I so với cùng kỳ giai đoạn 2016 - 2020



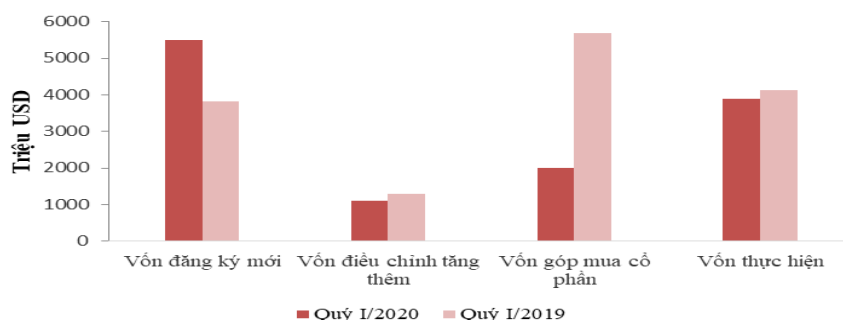
Nguồn: TCTK

Dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam giảm so với cùng kỳ

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 8,6 tỷ USD, giảm 20,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, số vốn đăng ký ước đạt 5,5 tỷ USD, tăng 44,8% so với cùng kỳ năm trước; chủ yếu nhờ trong tháng 1 đã thu hút được một dự án lớn thuộc lĩnh vực năng lượng trị giá 4 tỷ USD⁷. Trong khi đó, số vốn tăng thêm quý I chỉ ước đạt 1,1 tỷ USD, giảm 18% so với cùng kỳ; vốn góp mua cổ phần ước đạt gần 2 tỷ USD, giảm mạnh 65,6% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh sự chững lại của một số cấu phần vốn vào mới, vốn FDI thực hiện quý I ước đạt 3,9 tỷ USD, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước.

Thông kê vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam quý I năm 2019 và quý I năm 2020



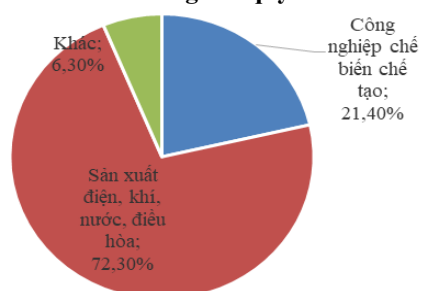
Nguồn: TCTK

⁷ Dự án Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Bạc Liêu thuộc Trung tâm nhiệt điện LNG Bạc Liêu (Singapore), tổng vốn đầu tư đăng ký 4 tỷ USD với mục tiêu sản xuất điện từ khí tự nhiên hóa lỏng LNG.

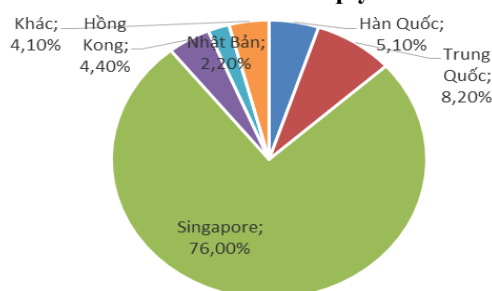
Xét theo lĩnh vực đầu tư, với 1 dự án đầu tư trị giá 4 tỷ USD trong tháng 1, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí là ngành thu hút được lượng vốn đăng ký cấp mới lớn nhất, chiếm tỷ trọng 72,3% tổng lượng vốn đăng ký cấp mới trong quý I; tiếp đến là ngành chế biến, chế tạo chiếm 21,4%; các ngành còn lại chiếm 6,3%.

Xét theo đối tác đầu tư, Singapore đã vươn lên vị trí dẫn đầu nhờ có một dự án góp vốn mua cổ phần giá trị lớn, tiếp theo là Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông và Nhật Bản.

Cơ cấu đầu tư theo ngành quý I/2020



Cơ cấu đầu tư theo đối tác quý I/2020



Nguồn: TCTK

Kim ngạch xuất nhập khẩu đã giảm so với cùng kỳ

Trong quý I, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 59,08 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 18,65 tỷ USD, tăng 8,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 40,43 tỷ USD, giảm 2,9%. Đây đều là những mức tăng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019⁸, đặc biệt đối với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Điều đó phản ánh dịch Covid-19 lây lan mạnh ở các nước đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU và Mỹ đã ảnh hưởng không nhỏ đến kim ngạch xuất của nhiều mặt hàng.

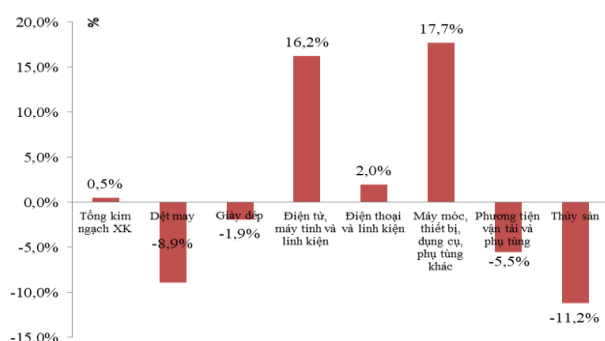
Sự suy giảm của kim ngạch xuất khẩu trong quý I thể hiện rõ ở một số mặt hàng chủ lực có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD như dệt may, giày dép, phương tiện vận tải phụ tùng, thủy sản,...⁹ Tuy nhiên, một số mặt hàng chủ lực khác thuộc nhóm chế biến chế tạo như điện tử và linh kiện; điện thoại, máy tính và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao.

Kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ đạt mức tăng 16,2% so với cùng kỳ qua 3 tháng, nhờ đó tiếp tục củng cố vị trí là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam. Trung Quốc đã vươn lên trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam với mức tăng 11,5% (trong đó riêng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng điện thoại và linh kiện đạt mức tăng đạt đến 187,5% so với cùng kỳ trong quý I). Kim ngạch xuất khẩu sang một số thị trường truyền thống như EU, Asean, Hàn Quốc giảm so với cùng kỳ.

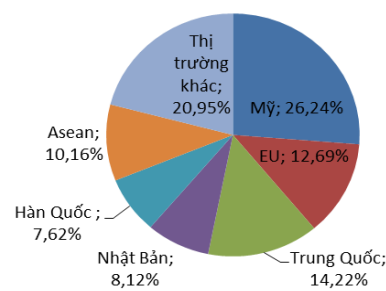
⁸ 3 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu đạt 58,51 tỷ USD, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 17,05 tỷ USD, tăng 9,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 41,46 tỷ USD, tăng 2,7%.

⁹ 3 tháng đầu năm 2020, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may đạt 6,5 tỷ USD, giảm 8,9%; giày dép đạt 3,9 tỷ USD, giảm 1,9%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 2 tỷ USD, giảm 5,5%; thủy sản đạt 1,6 tỷ USD, giảm 11,2%.

Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực QI/2019 và QI/2020



Cơ cấu xuất khẩu phân phân theo một số thị trường chủ chốt QI/2020



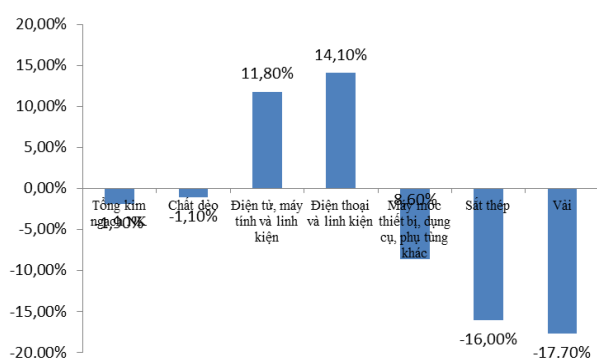
Nguồn: TCTK

Trong quý I, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 56,26 tỷ USD, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 23,08 tỷ USD, giảm 3,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 33,18 tỷ USD, giảm 0,8%. Diễn biến này trái ngược với xu hướng tăng của quý I năm ngoái¹⁰.

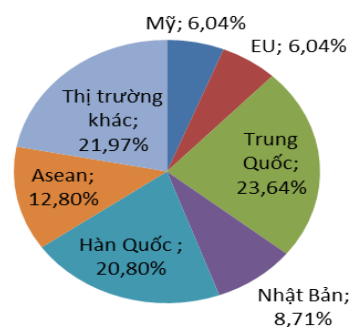
Trong số 13 mặt hàng nhập khẩu thuộc nhóm tư liệu sản xuất có giá trị trên 1 tỷ USD, ngoại trừ 4 mặt hàng điện tử, máy tính, linh kiện; điện thoại, linh kiện; dầu thô và sản phẩm hóa chất kim ngạch nhập khẩu vẫn giữ được đà tăng so với cùng kỳ thì hầu hết các mặt hàng nhập khẩu khác đều ghi nhận sự sụt giảm mạnh của kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ¹¹. Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng tiêu dùng trong quý I cũng giảm 10,6% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó đáng chú ý là nhập khẩu ô tô giảm 24,4% so với cùng kỳ.

Xét cơ cấu nhập khẩu theo các thị trường lớn, Việt Nam vẫn nhập khẩu lớn nhất từ Trung Quốc tuy nhiên kim ngạch nhập khẩu cũng đã giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu từ một thị trường truyền thống khác trong khu vực là ASEAN cũng đã giảm 8,3% trong khi đó nhập khẩu từ các thị trường Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản vẫn duy trì đà tăng.

Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu so với cùng kỳ của một số mặt hàng chủ lực QI/2020



Cơ cấu nhập khẩu phân phân theo một số thị trường chủ chốt QI/2020



Nguồn: TCTK

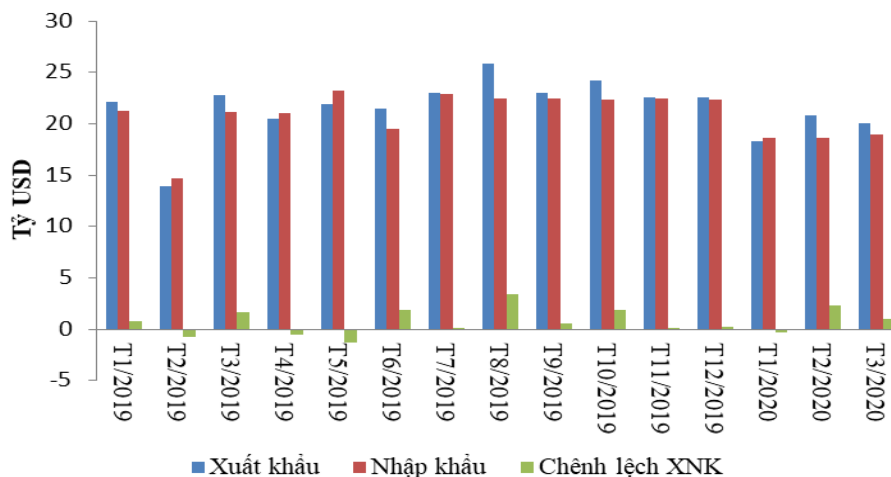
¹⁰ 3 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 57,98 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 24,09 tỷ USD, tăng 13,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 33,89 tỷ USD, tăng 6%.

¹¹ Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng thuộc nhóm tư liệu sản xuất trong quý I/2020: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 13,2 tỷ USD, tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 7,8 tỷ USD, giảm 8,6%; điện thoại và linh kiện đạt 3,2 tỷ USD, tăng 14,1%; vải đạt 2,4 tỷ USD, giảm 17,7%; chất dẻo đạt 2 tỷ USD, giảm 6,1%; sắt thép đạt 1,9 tỷ USD, giảm 16%; sản phẩm chất dẻo đạt 1,6 tỷ USD, tăng 8,1%; dầu thô đạt 1,5 tỷ USD; tăng 67,9%; kim loại thường đạt 1,4 tỷ USD; giảm 7,9%; sản phẩm hóa chất đạt 1,3 tỷ USD, tăng 11,7%; hóa chất đạt 1,2 tỷ USD, giảm 0,9%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép đạt 1,1 tỷ USD, giảm 14,5%; xăng dầu đạt 1,02 tỷ USD, giảm 17,6%.

Cán cân thương mại xuất siêu 2,8 tỷ USD trong quý I

Tính chung quý I/2020, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 2,8 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,5 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 4,4 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 7,2 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và nhập siêu giai đoạn 1/2019 – 3/2020



Nguồn: TCTK

Các chính sách hỗ trợ nền kinh tế trong đại dịch Covid – 19 trong Quý I/2020

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 2/1/2020 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020

Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid – 19

Theo đó, giao NHNN hướng dẫn các ngân hàng thực hiện các biện pháp hỗ trợ như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, giảm phí... đối với khách hàng gặp khó khăn do dịch Covid-19, mà trước hết là gói hỗ trợ tín dụng khoảng 250 nghìn tỷ đồng.

Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 11/3/2020 về việc tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống dịch Covid – 19 trong tình hình mới

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu tạm dừng việc miễn thị thực đơn phương và hiệu lực giấy miễn thị thực đã cấp cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài là vợ, chồng, con của người Việt Nam. Tất cả các hành khách nhập cảnh Việt Nam phải thực hiện khai báo y tế bắt buộc và tiến hành cách ly sớm với trường hợp đến từ hoặc đi qua vùng dịch. Ngoài ra, các chuyến bay giữa Việt Nam đến các vùng có dịch và ngược lại, kể cả của hãng hàng không nước ngoài cũng bị hạn chế tối đa, hoạt động du lịch được quản lý chặt chẽ, bảo đảm an toàn. Mặt khác, Thủ tướng cũng yêu cầu tạm hoãn các đoàn đi công tác nước ngoài (trường hợp đặc biệt phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép) và khuyến cáo người dân không đi ra nước ngoài, đặc biệt là các vùng có dịch.

Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch Covid - 19

Theo đó, để kiểm chế, kiểm soát có hiệu quả sự lây lan, chủ động ngăn chặn, ứng phó với dịch bệnh trên toàn quốc, bảo vệ tốt nhất cho sức khỏe, tính mạng của nhân dân, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ đạo áp dụng biện pháp hạn chế tụ tập đông người từ 00 giờ ngày 28/3 đến hết ngày 15/4/2020: Dừng các hoạt động hội họp, sự kiện tập trung trên 20 người/phòng; không tụ tập từ 10 người trở lên ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện;... Dừng triệt để các nghi lễ tôn giáo; dừng tất cả các hoạt động

văn hóa, thể thao, giải trí tại các địa điểm công cộng; Tạm đình chỉ hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ trên địa bàn, trừ các cơ sở kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thiết yếu; Hạn chế các chuyến bay và các hoạt động vận chuyển hành khách từ TP.Hà Nội, TP.HCM đến các nơi khác trên toàn quốc...

Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid – 19

Theo đó, từ 0 giờ ngày 01/4/2020 sẽ thực hiện cách ly toàn xã hội trong vòng 15 ngày nhằm triển khai các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 hiệu quả trên phạm vi toàn quốc.

Quyết định 437/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19

Theo đó, cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương như sau: Trước hết, đối với các tỉnh miền núi, Tây Nguyên, ngân sách trung ương hỗ trợ 70% mức ngân sách Nhà nước thực chi theo quy định. Tiếp theo, đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn lại: Các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương từ 50% trở lên chủ động sử dụng dự phòng ngân sách địa phương để thực hiện; Các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương dưới 50%: Ngân sách trung ương hỗ trợ 30% phần hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách còn lại thì ngân sách trung ương hỗ trợ 50% phần hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước; Các địa phương sử dụng tối đa 50% nguồn dự phòng ngân sách địa phương, tối đa 70% Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh để thực hiện phòng, chống dịch Covid-19.

Trường hợp các địa phương chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 ở mức độ lớn, nếu phần ngân sách địa phương đảm bảo vượt quá nguồn lực của địa phương, gồm: 50% nguồn dự phòng ngân sách địa phương (bao gồm cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã) và 70% Quỹ dự trữ tài chính địa phương thì ngân sách trung ương sẽ bổ sung thêm phần chênh lệch vượt quá nguồn lực của địa phương để các tỉnh, thành phố có đủ nguồn để thực hiện.

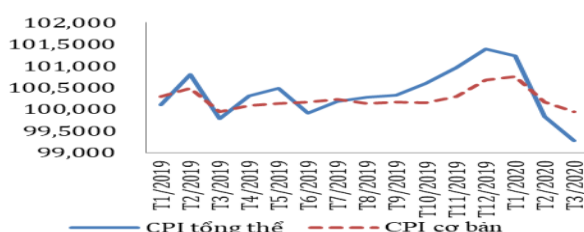
2. Lạm phát

CPI bình quân quý I tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái

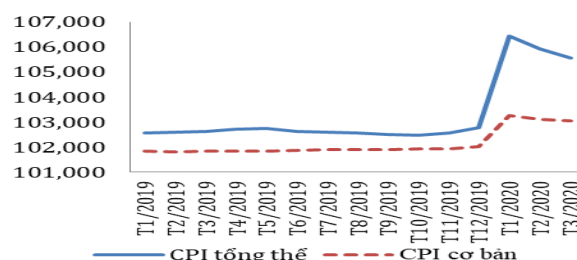
CPI bình quân quý I năm 2020 ước tăng 5,56% so với cùng kỳ năm 2019 - là mức tăng cao nhất trong 05 năm gần đây¹². Trong đó, so với cùng kỳ năm trước CPI cũng đã có mức tăng khá cao qua các tháng, lần lượt ở mức 6,43%; 5,4% và 4,87%. Tuy nhiên, nếu so với tháng trước thì CPI chỉ tăng 1,23% vào tháng 1 - chủ yếu do nhu cầu dịp lễ tết và đã giảm trong tháng 2 và tháng 3 lần lượt ở mức 0,17% và 0,72%. Diễn biến của CPI trong tháng 3 đã phản ánh rõ nét những tác động của đại dịch Covid – 19 và việc giảm mạnh của giá dầu trên thị trường quốc tế. Chính vì thế, trong rổ hàng hóa tính CPI của tháng 3 đã có 7/11 nhóm hàng có chỉ số giá giảm¹³.

Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản bình quân quý I/2020 tăng 3,05% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Trong đó, lạm phát cơ bản đã có xu hướng tăng liên tục trong 3 tháng, cụ thể tăng 3,25%; 2,94% và 2,95% so với cùng kỳ năm trước.

CPI so với tháng trước (%)



CPI bình quân so với cùng kỳ (%)



Nguồn: TCTK

¹² Tốc độ tăng CPI bình quân quý I so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2020 lần lượt là: 1,25%; 4,96%; 2,82%; 2,63%; 5,56%

¹³ CPI của nhóm giao thông giảm 4,87%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 1,4%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,43%; nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,25%; may mặc, mũ nón và giày dép giảm 0,15%; đồ uống và thuốc lá giảm 0,11%; bưu chính viễn thông giảm 0,06%

Kết thúc quý I/2020, trong rổ hàng hóa, dịch vụ tính CPI có 10/11 nhóm có chỉ số CPI bình quân tăng và 1/11 nhóm có chỉ số CPI bình quân giảm. Trong đó, CPI bình quân tăng mạnh ở một số nhóm ngành sau:

+ Hàng ăn và dịch vụ ăn uống: CPI bình quân nhóm ngành này tăng cao nhất với mức tăng 10,22% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu về nhiều loại mặt hàng trong dịp Tết Nguyên đán tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: lương thực tăng 1,51% (tác động làm CPI chung tăng 0,07%), thực phẩm tăng 13,21% (tác động làm CPI chung tăng 2,99%), trong đó: giá thịt lợn tăng 58,81% (đóng góp 2,47% vào mức tăng CPI chung).

+ Nhà ở và vật liệu xây dựng: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 5,42% so với cùng kỳ năm trước do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,52% (tác động làm CPI chung tăng 0,04%).

+ Giáo dục: CPI bình quân nhóm Giáo dục tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước trong đó nhóm Dịch vụ giáo dục tăng 4,57%.

+ Thuốc và dịch vụ y tế: CPI bình quân nhóm ngành này tăng 3,23% so với cùng kỳ năm trước trong đó nhóm Dịch vụ y tế tăng 3,78% do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 nên giá các mặt hàng thuốc y tế tăng cao.

+ Các nhóm ngành khác có CPI bình quân tăng giao động trong khoảng 0,45% - 3,59% so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, CPI bình quân của nhóm bưu chính viễn thông vẫn có xu hướng giảm ở mức 0,65% so với cùng kỳ năm trước.

Thông kê sự thay đổi của giá xăng dầu trong Quý I/2020

Công văn số 1772/BCT-TTTN ngày 02/3/2019 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu: Trong quý I/2020, giá xăng dầu đã giảm giá 6 lần liên tiếp, cụ thể: Xăng E5 RON 92: giảm 7.925 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 8.430 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 5.332 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 6.444 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 2.567 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

Các cấu phần thu NSNN vẫn diễn biến tích cực ngoại trừ cấu phần thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu; chi NSNN có sự cải thiện ở cấu phần chi đầu tư phát triển

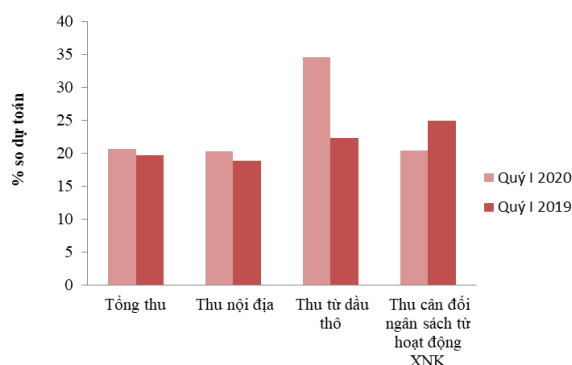
Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2020 ước tính đạt 311,3 nghìn tỷ đồng, bằng 20,6% dự toán năm, trong đó thu nội địa đạt 256,8 nghìn tỷ đồng, bằng 20,3%; thu từ dầu thô 12,1 nghìn tỷ đồng, bằng 34,5%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 42,4 nghìn tỷ đồng, bằng 20,4%. Như vậy, ngoại trừ cấu phần thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu có sự sụt giảm so với năm trước do những khó khăn của hoạt động xuất nhập khẩu trong quý I thì cả hai nguồn thu còn lại đều đạt cao hơn so với năm ngoái cả về mặt giá trị cũng như về tỷ lệ so với dự toán¹⁴.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2020 ước tính đạt 278,1 nghìn tỷ đồng, bằng 15,9% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 201,2 nghìn tỷ đồng, bằng 19%; chi đầu tư phát triển 47,7 nghìn tỷ đồng, bằng 10,1%; chi trả nợ lãi 28,6 nghìn tỷ đồng, bằng 24,2%. Như vậy, điểm tích cực là chi đầu tư phát triển tiếp tục có sự cải thiện so với cùng kỳ năm trước cả về giá

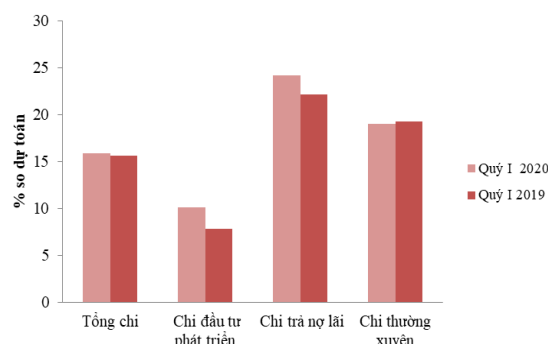
¹⁴ Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2019 ước tính đạt 278,6 nghìn tỷ đồng, bằng 19,7% dự toán năm. Trong đó, thu nội địa đạt 221,7 nghìn tỷ đồng, bằng 18,9% dự toán; thu từ dầu thô 9,9 nghìn tỷ đồng, bằng 22,3%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 47 nghìn tỷ đồng, bằng 24,9%.

trị cũng như về tỷ lệ so với dự toán, trong khi 2 cấu phần chi còn lại vẫn được kiểm chế ở mức hợp lý¹⁵.

Thu NSNN quý I/2020 và quý I/2019 so với dự toán



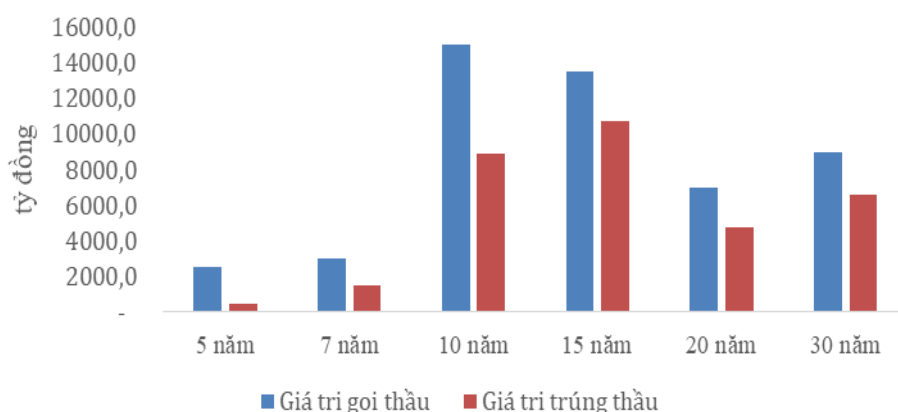
Chi NSNN quý I/2020 và quý I/2019 so với dự toán



Nguồn: GSO

Trong quý I, KBNN huy động thành công 32.981 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ - TPCP qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 50.000 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 66% thấp hơn so với tỷ lệ 76,34% của cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, đã hoàn thành 55 - 66% kế hoạch phát hành trái phiếu Chính phủ trong quý I năm 2020, trong đó, khối lượng phát hành tập trung chủ yếu vào kỳ hạn 10 năm và 15 năm.

Giá trị trúng thầu qua các kỳ hạn trong 3 tháng đầu năm



Nguồn: hnx.vn

Kết thúc tháng 3, lãi suất trúng thầu của trái phiếu kỳ hạn 7 năm nằm trong khoảng 1,9 – 2%/năm, kỳ hạn 10 năm là 2,18%/năm, kỳ hạn 15 năm nằm trong khoảng 2,51 – 2,53%/năm, kỳ hạn 20 năm nằm trong khoảng 2,98 – 3%/năm, kỳ hạn 30 năm nằm trong khoảng 3 – 3,25%/năm.

4. Tình hình doanh nghiệp

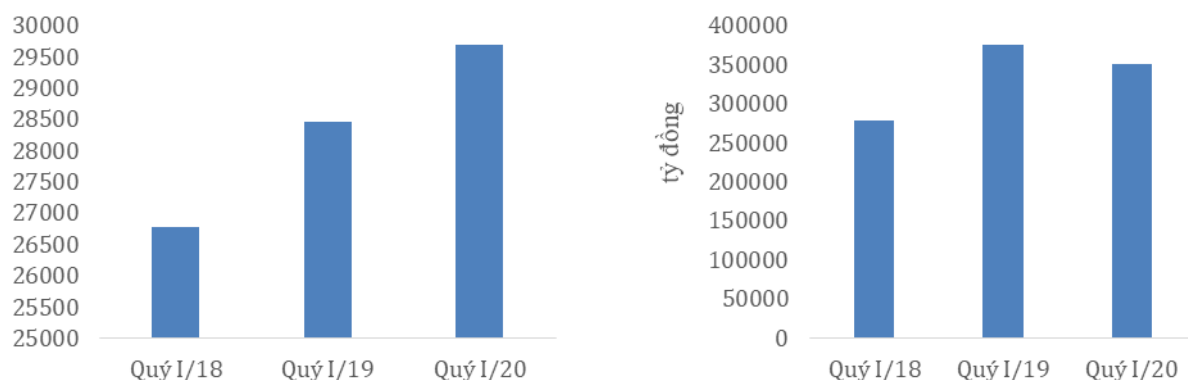
Số doanh nghiệp thành lập mới

Trong quý I/2020, cả nước có 29,7 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 351,4 nghìn tỷ đồng, tăng 4,4% về số doanh nghiệp và giảm 6,4% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, số vốn đăng ký đã có diễn biến giảm trong 2 tháng đầu năm. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 11,8 tỷ đồng, giảm 10,4%. Nếu tính cả 552,4 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm thì nâng tổng số vốn đăng ký bổ sung vào

¹⁵ Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/3/2019 ước tính đạt 254,5 nghìn tỷ đồng, bằng 15,6% dự toán năm. Trong đó, chi thường xuyên đạt 192,7 nghìn tỷ đồng, bằng 19,3% dự toán; chi trả nợ lãi 27,7 nghìn tỷ đồng, bằng 22,2% dự toán; chi đầu tư phát triển 33,5 nghìn tỷ đồng, bằng 7,8%.

nền kinh tế trong quý I/2020 là 903,8 nghìn tỷ đồng, giảm 17,7% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong quý I/2020 cũng có 14,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước.

Số doanh nghiệp thành lập mới trong quý I giai đoạn 2018 – 2020 **Vốn đăng ký kinh doanh trong quý I giai đoạn 2018 – 2020**



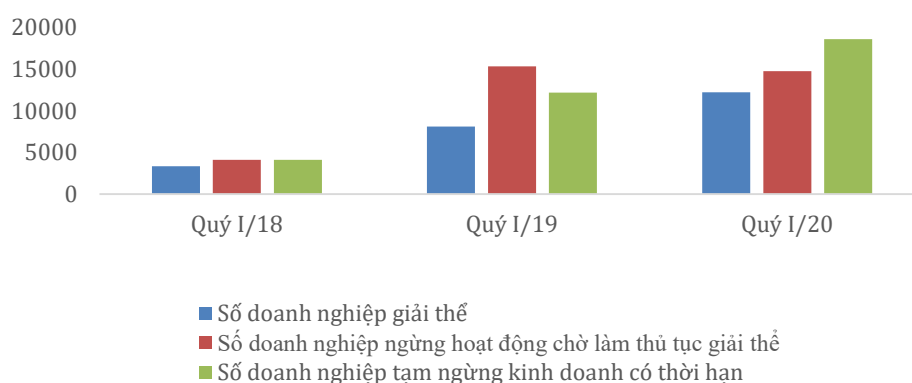
Nguồn: Cục quản lý đăng ký kinh doanh

Trong quý I/2020, có 426 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước; có 8,1 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 4,2%; có 21,2 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 4,5%. Các doanh nghiệp thành lập mới tiếp tục gia tăng ở các lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; xây dựng; công nghiệp chế biến, chế tạo; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn, thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác; vận tải, kho bãi; thông tin và truyền thông; sản xuất phân phối điện, nước, gas; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; khai khoáng với mức tăng giao động từ 1,3 – 39,8%.

Số doanh nghiệp giải thể, ngừng đăng ký và tạm ngừng kinh doanh

Trong quý I/2020, có 34,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, bao gồm: 18,6 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn (tăng 26%), 12,2 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể (giảm 20,6%), 4,1 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể (tương đương với cùng kỳ năm trước), trong đó có gần 3,7 nghìn doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng, giảm 1,3%; 62 doanh nghiệp có quy mô vốn trên 100 tỷ đồng, tăng 21,6%.

Tình hình giải thể, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và tạm ngừng kinh doanh có thời hạn theo quý I giai đoạn 2018-2020



Nguồn: TCTK

Các doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy; công nghiệp chế biến, chế tạo; xây dựng; khoa học, công nghệ, dịch vụ tư vấn thiết kế, quảng cáo và chuyên môn khác; dịch vụ lưu trú và ăn uống; dịch vụ việc làm, du lịch, cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác; kinh doanh bất động sản; vận tải, kho bãi; giáo dục và đào tạo; thông tin và truyền thông.

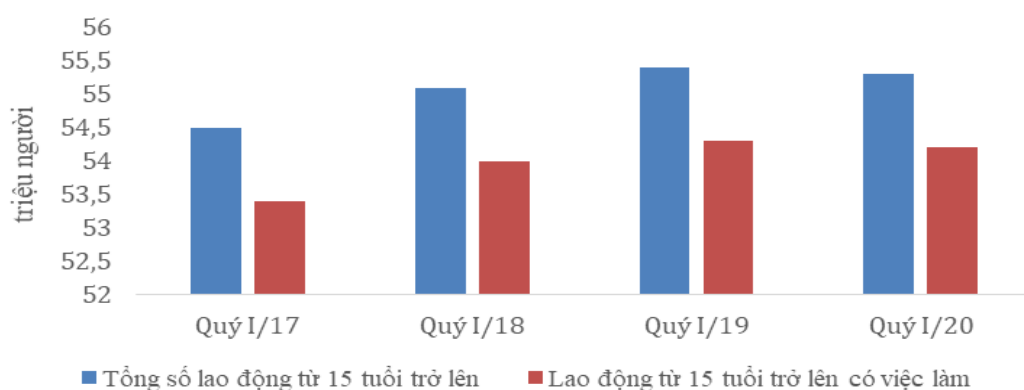
5. Tình hình lao động việc làm

Tình hình lao động, việc làm diễn biến thiếu tích cực do ảnh hưởng của dịch bệnh

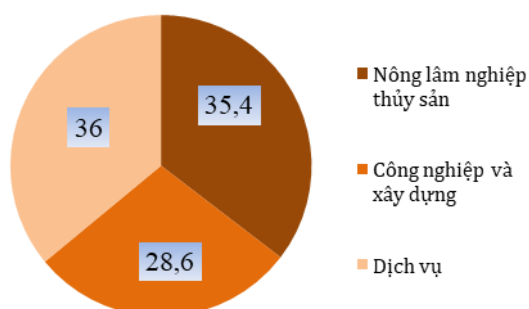
Trong quý I/2020, tình hình lao động, việc làm diễn biến thiếu tích cực do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19. Cụ thể, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên ước tính là 55,3 triệu người, giảm 144,2 nghìn người so với cùng kỳ năm 2019 do nhu cầu thị trường lao động giảm sút ở hầu hết các thành phố trên khắp tỉnh, thành của cả nước.

Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong quý I/2020 ước tính là 54,2 triệu người, bao gồm 18,2 triệu người đang làm việc ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, chiếm 33,5% tổng số (giảm 1,7 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước); khu vực công nghiệp và xây dựng 16,5 triệu người, chiếm 30,5% (tăng 1,3 điểm phần trăm); khu vực dịch vụ 19,5 triệu người, chiếm 36% (tăng 0,4 điểm phần trăm).

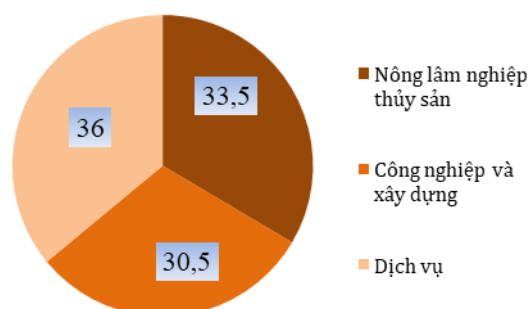
Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên



Tỷ trọng LĐ trên 15 tuổi có việc làm Q1/2019 (%)

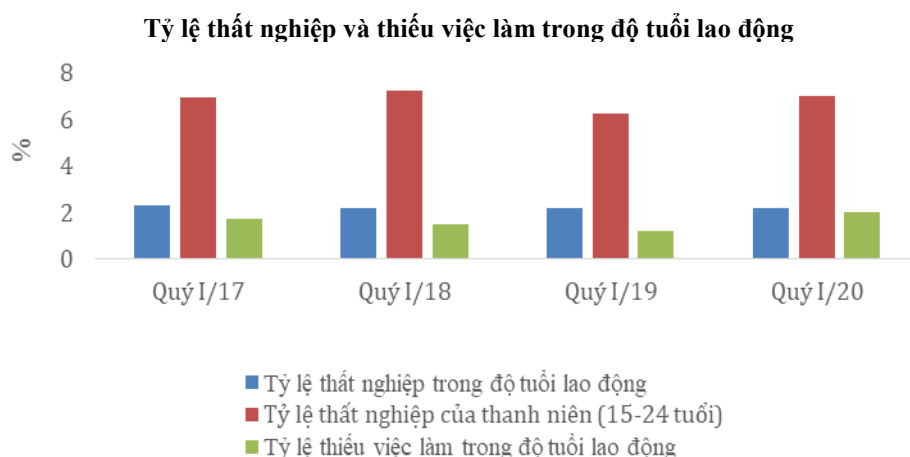


Tỷ trọng LĐ trên 15 tuổi có việc làm Q1/2020 (%)



Nguồn: TCTK

Ngoài ra, tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước trong quý I/2020 ước tính là 2,2%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 2,95%; khu vực nông thôn là 1,57%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,22%, trong đó khu vực thành thị là 3,18%; khu vực nông thôn là 1,73%; Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) ước tính là 7,01%, trong đó khu vực thành thị là 9,91% và khu vực nông thôn là 5,77%. Bên cạnh đó, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ước tính là 2%, trong đó khu vực thành thị là 0,97%; khu vực nông thôn là 2,52%.



Nguồn: TCTK

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ, CHỨNG KHOÁN

Một số VBPL chính sách quan trọng điều tiết hoạt động trên thị trường tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 3 năm 2020

Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19

Theo đó, cơ cấu lại thời hạn trả nợ là số dư nợ gốc và/hoặc lãi khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Thứ nhất, phát sinh từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính. Thứ hai, phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng công bố hết dịch Covid-19. Thứ ba, khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay, cho thuê tài chính đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định việc miễn, giảm lãi, phí theo quy định nội bộ đối với số dư nợ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng (trừ hoạt động mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp) mà nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi đến hạn thanh toán trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng công bố hết dịch Covid-19.

Công văn số 1680/NHNN-TT ngày 13/3/2020 về việc áp dụng chính sách miễn, giảm phí dịch vụ

Theo đó, NHNN đã chỉ đạo CTCP Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) và Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) tiếp tục triển khai thực hiện chương trình giảm phí dịch vụ lần 2 trong năm 2020

Cụ thể, NAPAS sẽ giảm 50% đối với phí dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng cho các giao dịch có giá trị từ 500.001VND - 2.000.000VND (Giảm từ 1.800 VND/giao dịch xuống còn 900 VND/giao dịch. Thời gian áp dụng từ ngày 25/3/2020 đến hết ngày 31/12/2020).

CIC thực hiện chiết khấu 50% tổng số tiền khai thác sử dụng thông tin tín dụng của tổ chức tín dụng từ tháng 3/2020 đến tháng 12/2020.

Bên cạnh đó, NHNN yêu cầu các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài điều chỉnh giảm phí dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng cho các món thanh toán có giá trị từ 500.001 - 2.000.000 VND cho khách hàng với mức giảm tối thiểu bằng mức giảm phí mà NAPAS đã điều chỉnh giảm (900VND/giao dịch).

Thông tư số 04/2020/TT-NHNN ngày 31/3/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2013/TT-NHNN ngày 05/12/2013 của NHNN ban hành Biểu phí dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Theo đó, tại Thông tư trên đã điều chỉnh giảm 50% mức phí thanh toán tại điểm 1.1, 1.2 Mục 1 “Phí giao dịch thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng” tại Phần II “Phí dịch vụ thanh toán trong nước” Biểu phí dịch vụ thanh toán qua NHNN VN; thời gian áp dụng từ ngày 1/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020 về các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19

Theo nội dung của Chỉ thị, trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 tác động tiêu cực đến kinh tế trong nước, thời gian qua toàn ngành Ngân hàng đã chủ động xây dựng phương án phòng, chống dịch đảm bảo hoạt động của hệ thống an toàn, thông suốt và hiệu quả; NHNN đã triển khai kịp thời các giải pháp chính sách như: điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, tỷ giá, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ, giảm đồng thời các mức lãi suất điều hành để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, miễn, giảm phí thanh toán. Những giải pháp của ngành Ngân hàng đã và đang được triển khai quyết liệt, bước đầu tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn. Toàn ngành đã đóng góp trên 160 tỷ đồng cho phòng, chống dịch bệnh, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của toàn hệ thống trong công tác an sinh xã hội.

Công điện 02/CD-NHNN ngày 11/3/2020 về việc tăng cường phòng, chống dịch bệnh Covid – 19 trong tình hình mới

Theo đó, Thống đốc NHNN yêu cầu thủ trưởng các đơn vị trong toàn ngành Ngân hàng quán triệt đến toàn thể cán bộ và tổ chức triển khai ngay một số nội dung, giải pháp cấp bách phòng, chống dịch trong hệ thống ngân hàng như sau:

- Tập trung quán triệt và triển khai quyết liệt, chủ động, hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch theo các chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và Thống đốc NHNN trong tình hình mới. Nắm bắt, cập nhật kịp thời các thông tin chính thức về diễn biến dịch bệnh để chủ động tăng cường áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đặc biệt là Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020, các chỉ đạo của Thống đốc NHNN và các bộ, ngành, địa phương có liên quan. Theo dõi sát các chỉ đạo mới của các cấp, các ngành có liên quan để cập nhật, bổ sung và tổ chức triển khai thực hiện.

- Tiếp tục tổ chức triển khai quyết liệt các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 03/01/2020 của Thống đốc NHNN, phấn đấu hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao trong năm 2020, cũng như cả giai đoạn 2016-2020, đặc biệt là nhiệm vụ ổn định thị trường tiền tệ, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng và cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của các TCTD.

Công điện 03/CD-NHNN thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19

Theo nội dung của Công điện, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị trong toàn Ngành quán triệt toàn thể cán bộ trong đơn vị thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị 16/CT-TTg, cụ thể chỉ đạo các đơn vị thuộc hệ thống NHNN và các NHTM triển khai ngay việc bố trí cán bộ làm việc tại nhà và một bộ phận cần phải được duy trì làm việc tại cơ quan.

Quyết định số 418/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 về lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng

Theo đó, giảm lãi suất tái cấp vốn từ 6,0%/năm xuống 5,0%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 4,0%/năm xuống 3,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 7,0%/năm xuống 6,0%/năm.

Quyết định số 419/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VND) của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD) theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17 tháng 3 năm 2014

Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 0,8%/năm xuống 0,5%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 5,0%/năm xuống 4,75%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô giảm từ 5,5%/năm xuống 5,25%/năm; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do TCTD ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường.

Quyết định số 420/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016

Theo đó, mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô) được áp dụng là 5,5%/năm. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô thì mức lãi suất tối đa được áp dụng trong trường hợp này là 6,5%/năm. Mức lãi suất đối với các hợp đồng tín dụng, thỏa thuận cho vay ký kết trước ngày 17/3/2020 được tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận trước đó.

Quyết định số 421/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 về mức lãi suất tiền gửi dự trữ bắt buộc và tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc của TCTD tại NHNN

Theo đó, lãi suất đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND là 1,0%/năm, lãi suất đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND là 0%/năm; lãi suất đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ là 0%/năm, lãi suất đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ là 0,05%/năm.

Quyết định số 422/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 về mức lãi suất tiền gửi bằng VND của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô tại NHNN

Theo đó, lãi suất đối với tiền gửi bằng VND của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô là 1,0%/năm.

Quyết định số 423/QĐ-NHNN ngày 16/3/2020 về mức lãi suất tiền gửi của Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam tại NHNN

Theo đó, lãi suất đối với tiền gửi bằng VND của Kho bạc Nhà nước là 1,0%/năm, lãi suất đối với tiền gửi bằng ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước là 0,05%/năm, lãi suất đối với tiền gửi bằng VND của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là 1,0%/năm.

Lãi suất điều hành giảm hỗ trợ nền kinh tế trước tác động của dịch bệnh

Để phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính quốc tế và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, NHNN quyết định điều chỉnh các mức lãi suất, có hiệu lực từ ngày 17/3/2020, cụ thể như sau:

- Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6,0%/năm xuống 5,0%/năm.
- Lãi suất tái chiết khấu từ 4,0%/năm xuống 3,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 7,0%/năm xuống 6,0%/năm.
- Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở từ 4,0%/năm xuống 3,5%/năm.
- Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 0,8%/năm xuống 0,5%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 5,0%/năm xuống 4,75%/năm.
- Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô giảm từ 5,5%/năm xuống 5,25%/năm.
- Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do TCTD ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường.
- Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên giảm từ 6,0%/năm xuống 5,5%/năm.
- Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm từ 7,0%/năm xuống 6,5%/năm.
- Lãi suất đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND là 1,0%/năm, lãi suất đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND là 0%/năm; lãi suất đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ là 0%/năm, lãi suất đối với tiền gửi vượt dự trữ

bắt buộc bằng ngoại tệ là 0,05%/năm.

- Lãi suất đối với tiền gửi bằng VND của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô là 1,0%/năm.

- Lãi suất đối với tiền gửi bằng VND của Kho bạc Nhà nước là 1,0%/năm, lãi suất đối với tiền gửi bằng ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước là 0,05%/năm, lãi suất đối với tiền gửi bằng VND của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam là 1,0%/năm.

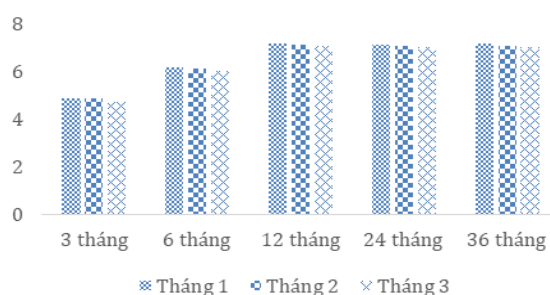
Lãi suất huy động trong nền kinh tế đã giảm, bám sát định hướng điều hành của NHNN

Trong quý I/2020, lãi suất huy động đã có diễn biến tích cực hơn so với cùng kỳ năm ngoái, phù hợp với định hướng điều hành của NHNN, hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Trong 3 tháng giao dịch, lãi suất huy động diễn biến khá ổn định trong tháng 1, điều chỉnh tăng nhẹ ở các kỳ hạn huy động dài hạn trong tháng 2 và đồng loạt giảm trong tháng 3. Kết thúc quý I, so với cuối năm ngoái lãi suất huy động bình quân trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước đã giảm khoảng 0,15 điểm % đối với kỳ hạn huy động 3 tháng và giảm khoảng 0,13 điểm % đối với các kỳ hạn huy động còn lại. Trong khi đó, lãi suất huy động bình quân trong khối các NHTM CP đã giảm khoảng 0,27 điểm % đối với kỳ hạn 3 tháng, giảm 0,19 điểm % đối với kỳ hạn từ 6 tháng và giảm 0,1 điểm % đối với kỳ hạn 12 – 24 tháng và giảm 0,13 điểm % đối với kỳ hạn 36 tháng.

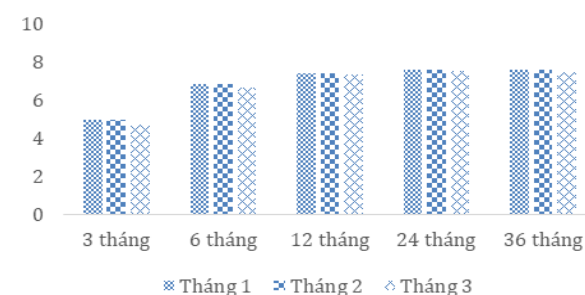
Trong tháng 3, ngay sau khi NHNN điều chỉnh giảm lãi suất, các ngân hàng có mức lãi suất niêm yết kỳ hạn dưới 6 tháng cao hơn mức trần đã đồng loạt điều chỉnh giảm. Đáng chú ý, mặc dù NHNN không quy định trần lãi suất tiền gửi từ 6 tháng trở lên, các TCTD vẫn được tự quyết định dựa trên cơ sở cung - cầu vốn trên thị trường nhưng lãi suất trung - dài hạn cũng giảm mạnh theo. Xu hướng này diễn ra mạnh mẽ và khá đồng đều trong khối NHTM CP, với mức giảm giao động trong khoảng từ 0,1 – 0,2 điểm %.

Kết thúc tháng 3, lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 3 – 6 tháng trong khoảng 4,74 – 6,06%/năm đối với khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước và trong khoảng 4,71 – 6,69%/năm đối với khối NHTM CP; Lãi suất huy động bình quân kỳ hạn dài từ 12 tháng trở lên trong khoảng 7,04 – 7,09%/năm đối với khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước và trong khoảng 7,34 – 7,52%/năm đối với khối NHTM CP.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước (%)



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần (%)



Nguồn: tổng hợp

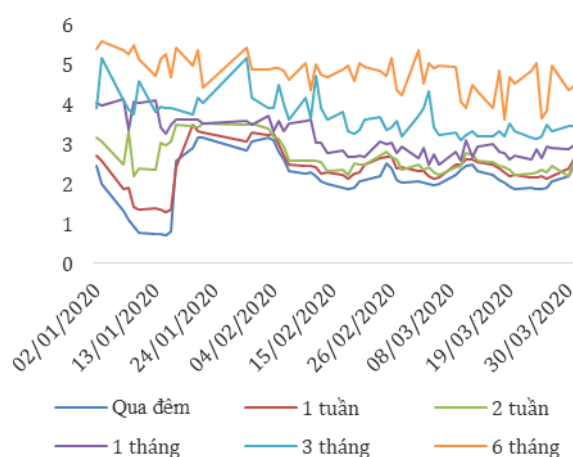
Lãi suất liên ngân hàng diễn biến phù hợp

Trong Quý I/2020, lãi suất liên ngân hàng diễn biến khá sát với xu hướng của cùng kỳ năm ngoái, diễn biến ổn định qua các tháng. Trong đó, lãi suất kỳ hạn ngắn (qua đêm – 2 tuần) có diễn biến tăng trong tháng 1 và tháng 3; giảm trong

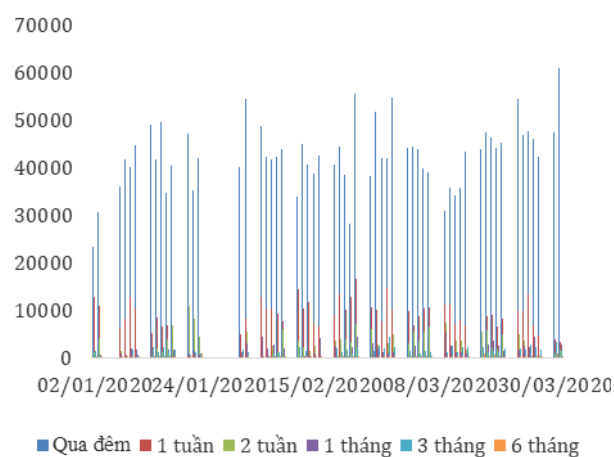
tháng 2; lãi suất kỳ hạn 1, 6 tháng đều xuất hiện 2 tháng giảm, duy nhất lãi suất kỳ hạn 3 tháng có chuỗi giảm liên tục trong quý.

Kết thúc quý I, so với cuối năm ngoái lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm tăng 1,01 điểm phần trăm, giao dịch ở mức 2,44%/năm; lãi suất kỳ hạn 1 tuần tăng 0,32 điểm phần trăm, giao dịch ở mức 2,61%/năm; lãi suất kỳ hạn 2 tuần giảm 0,58 điểm phần trăm, giao dịch ở mức 2,54%/năm; lãi suất kỳ hạn 1 tháng giảm 0,94 điểm phần trăm, giao dịch ở mức 2,96%/năm; lãi suất kỳ hạn 3 tháng giảm 1,66 điểm phần trăm, giao dịch ở mức 2,96%/năm; lãi suất kỳ hạn 6 tháng, 12 tháng giảm 0,2 và 0,33 điểm phần trăm, giao dịch ở mức 4,44%/năm và 5,53%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng



Doanh số giao dịch liên ngân hàng



Tỷ giá đã biến động hơn so với cùng kỳ năm ngoái

Nguồn: NHNN

Trong quý I/2020, về cơ bản diễn biến tỷ giá trong nước đã theo sát diễn biến của thị trường quốc tế, tuy nhiên tỷ giá giao dịch trên thị trường đã biến động mạnh hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Theo đó, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh khá phù hợp với những thay đổi của đồng USD, rõ nét nhất là trong tháng 3/2020. Sau 03 tháng giao dịch, tỷ giá trung tâm giữ được đà tăng liên tục với tổng mức tăng là 0,35% – thấp hơn so với mức tăng 0,68% của cùng kỳ năm ngoái, tương đương tăng 80 đồng so với cuối năm 2019. Trong tháng 3, mặc dù tỷ giá trung tâm đã có tháng điều chỉnh tăng thấp nhất, ở mức 0,05% song tỷ giá trung tâm đã có chuỗi điều chỉnh tăng từ ngày 11 – 23/3 với tổng mức tăng là 0,3%, mức độ biến động trong khoảng từ 0,02% – 0,06%/ngày giao dịch.

Bên cạnh đó, trên Sở giao dịch của NHNN, tỷ giá mua USD được duy trì ổn định qua 3 tháng, giao dịch ở mức 23.175 USD/VND và tỷ giá bán USD diễn biến phù hợp với tỷ giá trung tâm. Trong tháng 3, để phát tín hiệu ổn định thị trường khi đồng USD đang có xu hướng giảm trên thị trường quốc tế nhưng tỷ giá giao dịch trên thị trường trong nước đang có biến động mạnh vào tuần giao dịch cuối tháng, tỷ giá bán niêm yết trên Sở giao dịch của NHNN sau khi có diễn biến phù hợp với tỷ giá trung tâm từ đầu năm đã có bước điều chỉnh giảm mạnh ở mức 1,07% vào ngày 24/3, tương đương với 257 đồng và được giữ nguyên cho đến cuối tháng ở mức 23.650 USD/VND.

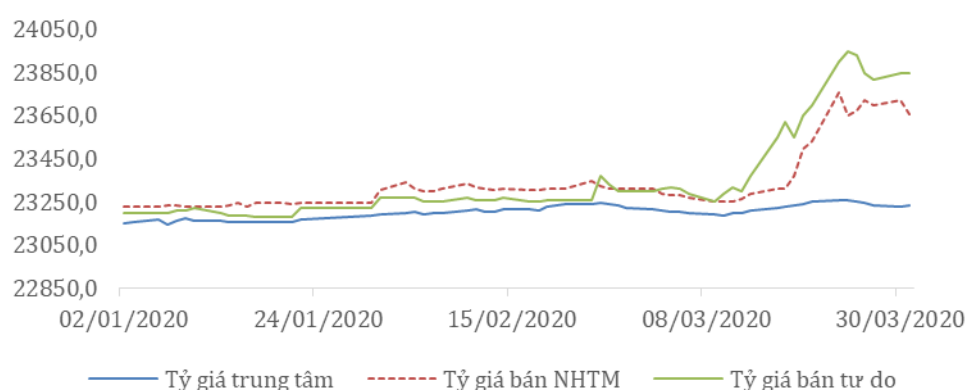
Trong khi đó, tỷ giá giao dịch trên thị trường đã có diễn biến sôi động hơn so với cùng kỳ năm ngoái, cả tỷ giá giao dịch trong khối NHTM và thị trường tự do đã tăng liên tục trong 3 tháng và biến động mạnh nhất trong tháng 3. Trên cơ sở đó, trong quý I, tỷ giá giao dịch của Vietcombank đã tăng 1,68 – 1,84% (mua

vào – bán ra) và tỷ giá giao dịch của Eximbank tăng 1,6 – 1,93% (mua vào – bán ra); và tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do tăng lần lượt là 2,9 – 2,8% (mua vào – bán ra).

Trong tổng mức tăng của tỷ giá giao dịch trên thị trường vào Quý I, mức tăng trong tháng 3 chiếm tỷ trọng chủ yếu, cụ thể tỷ giá giao dịch của Vietcombank và Eximbank đã tăng lần lượt là 1,42% và 1,5%; 1,38% và 1,62% (mua vào – bán ra); và tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do tăng lần lượt là 2,43 – 2,3% (mua vào – bán ra). Trong tháng 3, tỷ giá giao dịch của các NHTM có chuỗi tăng mạnh liên tục từ ngày 12 – 23/3 với mức biến động trong khoảng từ 0,06 – 0,98% và tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do đã tăng sớm hơn sát với diễn biến của đồng USD trên thị trường quốc tế, chuỗi tăng bắt đầu từ ngày 10 – 24/3 với mức biến động trong khoảng từ 0,09 – 0,77%, trong đó, số ngày giao dịch biến động mạnh chiếm tần suất cao. Diễn biến tăng của tỷ giá giao dịch trên thị trường trong khoảng thời gian này chịu tác động mạnh từ nhu cầu nắm giữ đồng USD trên thế giới gia tăng và chênh lệch lợi tức USD và VND khi NHNN điều chỉnh giảm lãi suất điều hành. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là các yếu tố này đã đồng thời nâng đỡ những ảnh hưởng về mặt tâm lý, đẩy chính là lý do dẫn đến các chuỗi tăng tiếp tục kéo dài cho đến cuối tháng mặc dù đồng USD trên thị trường đã giảm, đồng thời tỷ giá mua vào của đồng USD trên thị trường tự do đã biến động mạnh hơn tỷ giá bán và giữ khoảng chênh lệch thấp vào tuần giao dịch cuối tháng (30 – 40 đồng).

Kết thúc quý I/2020, tỷ giá giao dịch của Vietcombank là 23.500 – 23.660 USD/VND (mua vào – bán ra); tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do là 23.800 – 23.840 USD/VND (mua vào – bán ra); chênh lệch trên 02 thị trường là 180 VND.

Diễn biến tỷ giá VND/USD



Nguồn: NHNN

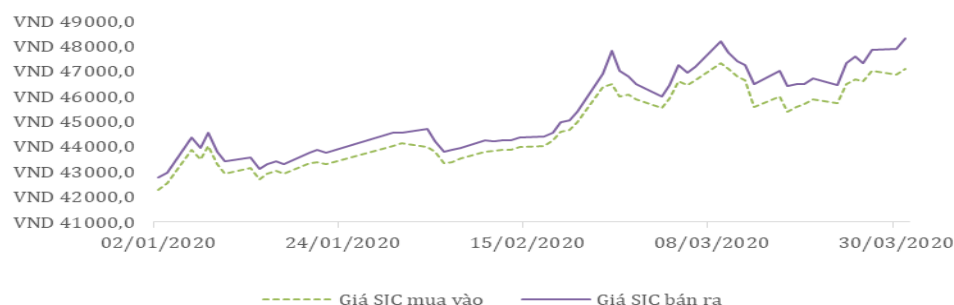
Giá vàng trong nước tăng mạnh so với mức tăng của giá vàng thế giới

Kết thúc quý I/2020, giá vàng trong nước liên tục tăng qua các tháng, tăng sát với mức tăng của giá vàng giao ngay trên thị trường quốc tế vào tháng 1 và diễn biến ngược chiều với giá vàng quốc tế trong 2 tháng tiếp theo. Sau 3 tháng giao dịch, giá vàng SJC mua vào tăng 11,14% và giá vàng SJC bán ra đã tăng 12,55% so với cuối năm ngoái - mức tăng mạnh nhất kể từ năm 2011. Xu hướng tăng của giá vàng trong nước được hỗ trợ mạnh từ lực đẩy duy nhất đó là giá vàng thế giới, tuy nhiên, do tác động mạnh từ yếu tố tâm lý, giá vàng trong nước biến động tăng, giảm với tốc độ thấp hơn giá vàng thế giới, giá vàng đã có lúc tăng hơn 3%/ngày giao dịch (ngày 6/1 và ngày 24/2) – ngưỡng giá tăng mạnh trong thời gian gần đây.

Trong quý I, cũng như giá vàng thế giới, giá vàng trong nước đã có nhiều ngày giao dịch biến động mạnh liên tục, đáng chú ý là trong tháng 2 và tháng 3. Thậm chí giá vàng đã đảo chiều tới 2 lần trong một ngày giao dịch. Bên cạnh đó, giá vàng điều chỉnh cũng đã vượt 1 triệu đồng/lượng vào những ngày giá vàng thế giới biến động mạnh, chênh lệch giá mua và giá bán thường ở ngưỡng cao 800 nghìn – 1 triệu đồng/lượng. Đây cũng chính là rủi ro lớn, ngăn cản các hoạt động đầu tư, lướt sóng trên thị trường. Với diễn biến tăng mạnh của giá vàng, mức giá giao dịch từ 46 – trên 47 triệu đồng/lượng đã được duy trì khá liên tục từ ngày 24/2 và sang tháng 3, đồng thời giá bán vàng SJC cũng thiết lập ngưỡng giá cao mới vượt 48 triệu đồng/lượng vào ngày giao dịch cuối tháng. Bên cạnh đó, trong tháng 3 cũng ghi nhận mức chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế đạt trên 4 triệu đồng/lượng, duy trì trong khoảng 04 ngày giao dịch.

Kết thúc tháng 3, giá vàng SJC mua vào và bán ra chốt giao dịch lần lượt là 47,10 – 48,32 triệu đồng/lượng, chênh lệch giá vàng trong nước và thế giới là 3,424 triệu đồng/lượng.

Diễn biến giá vàng trong nước

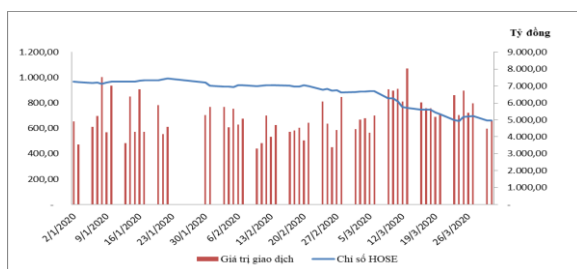


Nguồn: sjc.com.vn

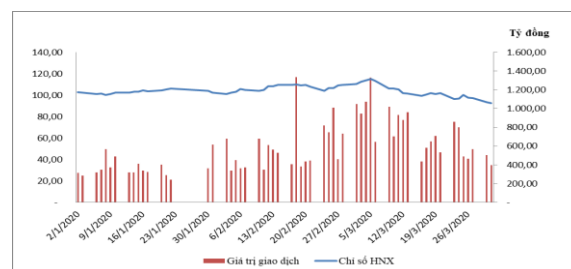
Thị trường chứng khoán giảm điểm mạnh trong quý I

Trong quý I năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam diễn biến tiêu cực theo xu thế chung của chứng khoán thế giới. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của quý I, chỉ số VN-Index ở mức 662,53 điểm, giảm 33,25% so với phiên giao dịch cuối cùng của năm 2019; chỉ số HNX-Index ở mức 92,64 điểm, giảm 8,55%; chỉ số UPCOM ở mức 47,74 điểm, giảm 15,95%.

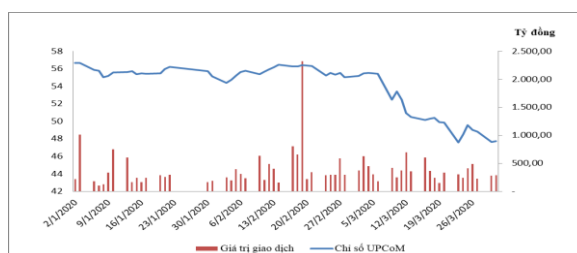
Diễn biến chỉ số HOSE 3 tháng đầu năm 2020



Diễn biến chỉ số HNX 3 tháng đầu năm 2020



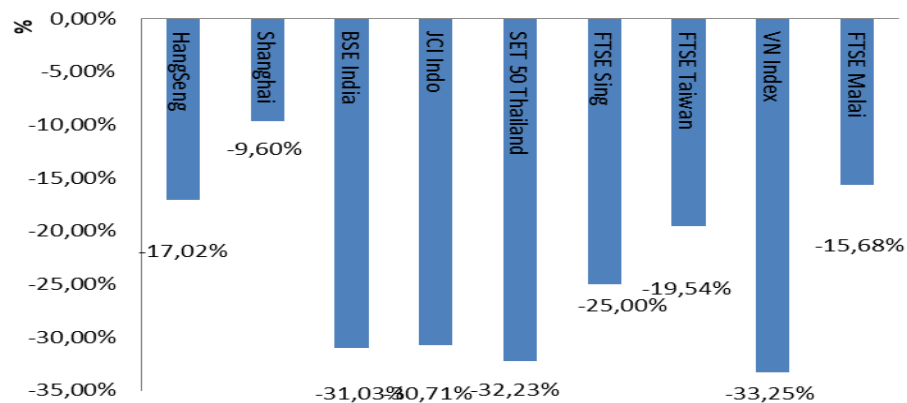
Diễn biến chỉ số UPCOM 3 tháng đầu năm 2020



Nguồn: UBCK Nhà nước

Chỉ số VN-Index đã giảm liên tục trong cả 3 tháng của quý I với mức độ giảm tăng dần qua các tháng, lần lượt là 2,54% trong tháng 1; 5,81% trong tháng 2 và 24,9% trong tháng 3. Với việc giảm điểm liên tục trong cả quý I, chỉ số VN-Index ghi nhận chuỗi 5 tháng giảm liên tiếp (từ tháng 11/2019 tới tháng 3/2020), đây là chuỗi giảm điểm dài nhất kể từ năm 2012 tới nay. Đồng thời, với tổng mức giảm điểm của quý I lên đến 33,25% cho thấy đây là quý ghi nhận mức giảm lớn thứ 2 trong lịch sử giao dịch của thị trường chứng khoán Việt Nam, chỉ xếp sau mức giảm 44,25% trong quý 1/2008, giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng là một trong những thị trường giao dịch kém tích cực nhất trong khu vực trong quý I.

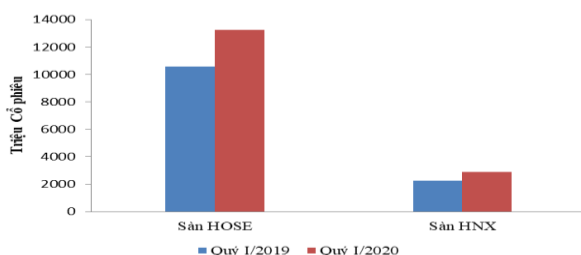
Diễn biến tăng trưởng trên một số thị trường chứng khoán châu Á trong quý I



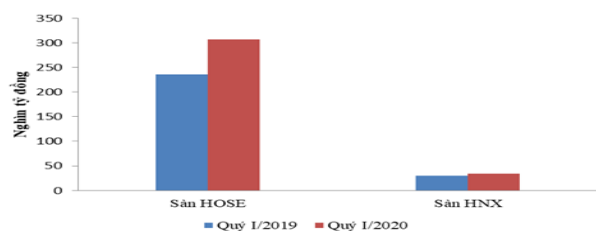
Nguồn: Bloomberg

Mặc dù các chỉ số chứng khoán giảm điểm nhưng thanh khoản thị trường vẫn diễn ra sôi động. Trên cả 2 sàn giao dịch chính thức là HOSE và HNX, khối lượng cổ phiếu và giá trị giao dịch có sự gia tăng liên tục qua các tháng. Tính hết quý I, tổng khối lượng giao dịch trên cả 2 sàn đạt 16.144 triệu cổ phiếu, tương đương giá trị giao dịch là 341,63 nghìn tỷ đồng, tăng 25,97% về khối lượng và tăng 28,59% về giá trị so với quý I năm 2019. Trong đó, sàn HOSE ghi nhận mức tăng 25,66% về khối lượng và 27,44% về giá trị; sàn HNX có mức tăng tương ứng là 30,1% và 16,49%.

Khối lượng giao dịch quý I/2019 và quý I/2020



Giá trị giao dịch quý I/2019 và quý I/2020

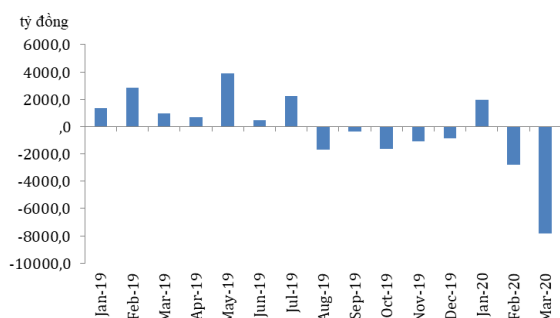


Nguồn: UBCK Nhà nước

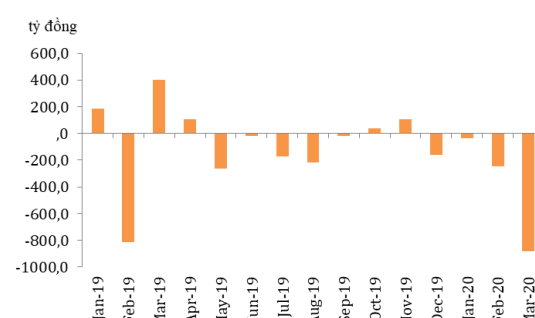
Diễn biến tiêu cực của thị trường khiến phần lớn cổ phiếu giảm sâu trong quý I, bao gồm cả các cổ phiếu trong VN30. Cổ phiếu ROS thuộc nhóm ngành xây dựng giảm sâu nhất quý I với mức giảm 81,2%. Các cổ phiếu liên quan tới bán lẻ, hàng không cũng chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch Covid-19 như MWG giảm 48,3%, PNJ giảm 45,5%, VRE giảm 43,7%, VJC giảm 33,5% và nằm trong top đầu những cổ phiếu VN30 giảm sâu.

Trên sàn HOSE, khối ngoại đã bán ròng rất mạnh với giá trị là 8.714 tỷ đồng, trong đó mức độ bán ròng diễn ra mạnh nhất vào tháng 3¹⁶. Trên sàn HNX, khối ngoại bán ròng liên tiếp trong cả 3 tháng của quý I với tổng mức bán ròng là 1.159 tỷ đồng, trong đó lực bán ròng cũng tập trung vào tháng 3¹⁷. Như vậy, kết thúc quý I, tổng khối lượng bán ròng của khối ngoại trên cả 2 sàn lên đến 9.873 tỷ đồng.

Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE giai đoạn 1/2019 – 3/2020



Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX giai đoạn 1/2019 – 3/2020



Nguồn: UBCK Nhà nước

IV. TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2020 VÀ CÁC GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH

Kinh tế Việt Nam đã khởi động quý đầu tiên của năm 2020 với kết quả không được như định hướng, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế đều tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ, thậm chí là nhiều chỉ tiêu đã suy giảm. Thực tế này đã được nhìn nhận ngay từ đầu năm khi dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát tại Trung Quốc, các tín hiệu suy giảm ngày càng trở nên rõ nét hơn khi WHO chính thức tuyên bố dịch Covid-19 trở thành đại dịch trên toàn cầu trong tháng 3/2020. Khó khăn đã bao trùm lên tất cả các lĩnh vực, ngành nghề và mọi hoạt động của đời sống, xã hội. Trong đó tăng trưởng kinh tế đã phải cùng một lúc đối mặt với 02 thách thức từ phía cung và phía cầu. Theo đó, các ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; du lịch, dịch vụ đều bị ảnh hưởng nặng nề, ngành bán buôn, bán lẻ tăng thấp, hoạt động xuất nhập khẩu diễn biến thiếu tích cực khi giao thương giữa các nước bị hạn chế, đặc biệt là các nước đối tác thương mại hàng đầu như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ; Thị trường chứng khoán biến động mạnh, vốn đầu tư nước ngoài suy giảm, khu vực doanh nghiệp gặp khó khăn, số lượng doanh nghiệp rút khỏi thị trường đã tăng mạnh so với cùng kỳ,..... Với những gì mà nền kinh tế đang trải qua trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp trên toàn cầu, mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong năm 2020 là 6,8% đã trở thành thách thức rất lớn.

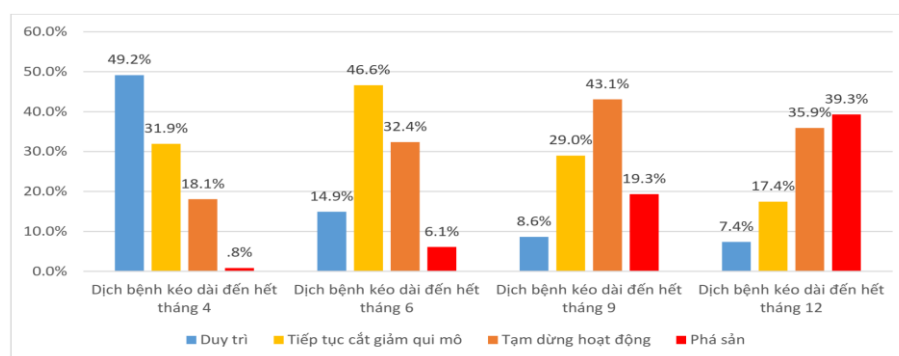
Vào đầu tháng 4, nhiều tổ chức quốc tế đã dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ sụt giảm đáng kể trong năm nay, ước đạt trong khoảng từ 3,3% - 5,2%. Bên cạnh đó, nhiều kịch bản dự báo tăng trưởng kinh tế dựa trên giả thiết về khả năng khống chế được dịch bệnh vào tháng 4, tháng 5 và tháng 6 đã được đưa ra. Phần lớn các kịch bản đều dự báo GDP sẽ đạt mức khá thấp trong quý II và kinh tế chỉ có thể hồi phục trong quý III nếu dịch bệnh sớm kết thúc, theo Tổng cục thống kê, nhiều khả năng GDP của năm 2020 ước đạt trên 5%.

¹⁶ Trên sàn HOSE, nhà đầu tư mua ròng 1.946 tỷ đồng trong tháng 1 và bán ròng lần lượt 2.818 và 7.841 tỷ đồng trong tháng 2 và tháng 3.

¹⁷ Trên sàn HNX, nhà đầu tư bán ròng lần lượt 35, 243 và 881 tỷ đồng trong tháng 1, 2 và 3.

Ngoài ra, theo kết quả khảo sát khoảng hơn 500 doanh nghiệp và người có liên quan của trường đại học Kinh tế quốc dân cho thấy diễn biến thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh đang diễn ra trên diện rộng, tình trạng dư thừa lao động, thất nghiệp sẽ gia tăng nhanh chóng nếu dịch bệnh không được kiểm soát. Theo đánh giá nếu trường hợp dịch Covid-19 kéo dài đến hết tháng 4/2020, có 49,2% doanh nghiệp vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, 31,9% cắt giảm quy mô sản xuất, có 18,1% phải tạm dừng hoạt động và 0,8% có khả năng phá sản. Nhưng nếu dịch kéo dài đến hết tháng 6/2020, tình hình sẽ trở nên tồi tệ hơn khi chỉ còn 14,9% doanh nghiệp duy trì được hoạt động, 46,6% doanh nghiệp tiếp tục cắt giảm quy mô, 32,4% sẽ tạm dừng hoạt động và 6,1% doanh nghiệp đứng trên bờ vực phá sản. Trường hợp dịch kéo dài đến hết tháng 9/2020, sẽ có 8,6% doanh nghiệp duy trì được hoạt động, 29,0% tiếp tục cắt giảm quy mô, 43,1% tạm dừng hoạt động và 19,3% doanh nghiệp phá sản, kéo dài đến hết năm 2020 khoảng 7,4% doanh nghiệp duy trì được hoạt động, 17,4% tiếp tục cắt giảm quy mô, 35,9% tạm dừng hoạt động và 39,3% doanh nghiệp phá sản.

Phản ứng của các doanh nghiệp với các kịch bản Covid-19



Nguồn: Kết quả khảo sát của ĐH Kinh tế quốc dân

Trong khi đó, phát biểu tại Hội nghị trực tuyến của Chính phủ với các địa phương về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; hỗ trợ người lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh phòng chống dịch Covid-19 diễn ra sáng ngày 10/4/2020, Thống đốc NHNN cho biết theo đánh giá sơ bộ của NHNN thì tác động của dịch với đối với dư nợ của hệ thống ngân hàng hiện nay là khoảng 2 triệu tỷ đồng, tức là 23% dư nợ hiện hữu của hệ thống ngân hàng có thể chịu tác động của dịch bệnh. Với việc tình hình dịch bệnh vẫn còn diễn biến khá phức tạp và ảnh hưởng của nó đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được dự báo sẽ còn kéo dài cả sau khi hết dịch. Do đó, nguy cơ doanh nghiệp, hộ kinh doanh không có khả năng trả nợ đúng hạn, dù đã được cơ cấu lại nợ, vẫn tiềm tàng.

Như vậy, có thể nhận thấy nền kinh tế sẽ phải đương đầu với rất nhiều khó khăn, thách thức, tăng trưởng kinh tế trong những tháng tới nhiều khả năng vẫn chưa thể lạc quan. Những quan ngại hiện nay đã diễn ra trên diện rộng, không còn là vấn đề của một ngành, một lĩnh vực và nếu không có các giải pháp hữu hiệu, các khó khăn, thách thức sẽ được dồn tích, những bất ổn trong xã hội sẽ gia tăng (ổn định tiền tệ, thâm hụt ngân sách, an sinh xã hội,...).

Trên cơ sở đó, ngay sau khi kết thúc Quý I/2020, Đảng và Nhà nước liên tục có các cuộc họp bàn khẩn cấp để tìm ra các giải pháp khắc phục khó khăn và vực dậy nền kinh tế trong bối cảnh dịch bệnh. Các giải pháp được đưa ra chủ yếu tập trung vào giải quyết những khó khăn hiện tại, trợ giúp nguồn lực cho doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp bởi đại dịch Covid – 19 có thể đứng vững như vấn đề đảm bảo vốn, cắt giảm, trì hoãn nộp thuế,... và các giải pháp đảm bảo phát huy được hiệu quả của các động lực kinh tế quan trọng như đầu tư công,

thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tăng năng suất lao động, tiêu dùng,... Bên cạnh đó, các giải pháp đảm bảo sự ổn định giá cả, ổn định lạm phát cũng đã được nhấn mạnh.

Để tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh, 06 nhóm giải pháp đã được nêu ra tập trung vào (i) vốn, tài chính và thúc đẩy thanh toán điện tử; (ii) cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp; (iii) bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy xuất nhập khẩu; (iv) tháo gỡ khó khăn, phục hồi, phát triển ngành du lịch; (v) thúc đẩy đầu tư và giải ngân; (vi) rà soát, xử lý vướng mắc về lao động, phương án hỗ trợ người lao động bị thôi việc, mất việc làm do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Trong đó, các biện pháp được nhấn mạnh là chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa sẽ tập trung 02 nhóm giải pháp đó là đẩy nhanh vốn đầu tư công và giảm thuế, phí cho doanh nghiệp. Về chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước cũng chỉ đạo ngân hàng thương mại có gói 285.000 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi dành cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh và các doanh nghiệp có thể được vay tiền để trả lương cho nhân viên với lãi suất 0%.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, ngày 31/3/2020 NHNN đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN về các giải pháp cấp bách của ngành Ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19. Trong đó, thể hiện rõ quyết tâm của ngành ngân hàng trong việc chủ động triển khai có hiệu quả các giải pháp phòng, chống và hỗ trợ khắc phục khó khăn do dịch bệnh trong tình hình mới. Bên cạnh các giải pháp nghiệp vụ trong điều hành CSTT đảm bảo sự ổn định của thị trường tiền tệ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; các giải pháp tín dụng đảm bảo cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ các doanh nghiệp gặp khó khăn, các giải pháp tạo điều kiện để áp dụng công nghệ nhằm giảm thiểu giao dịch trực tiếp trong cung ứng, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng NHNN cũng đề cao công tác nghiên cứu, dự báo, đánh giá tác động của dịch bệnh đối với kinh tế trong và ngoài nước; tăng cường công tác phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương; thực hiện kiểm tra, thanh tra định kỳ, đột xuất việc triển khai thực hiện các chính sách và quy định của các TCTD, đồng thời đề cao công tác phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các TCTD để đảm bảo có sự đồng thuận cao trong triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng và đẩy mạnh công tác truyền thông để thông tin, tuyên truyền kịp thời, đầy đủ về các giải pháp chính sách, kết quả triển khai thực hiện của ngành Ngân hàng.

Nhận định của các tổ chức về triển vọng kinh tế Việt Nam:

- **ADB:** Kinh tế Việt Nam đầu năm 2020 chịu tác động bởi ảnh hưởng về nguồn cung, do tác động từ dịch Covid-19 bùng phát và tiếp theo là các tác động giảm mạnh về cầu hiện vẫn đang diễn ra tại các quốc gia là đối tác thương mại và đầu tư chính của Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế sẽ giảm xuống còn khoảng 4,8% năm 2020. Mặc dù vậy, nền tảng của kinh tế Việt Nam sẽ vẫn được duy trì nếu đại dịch được khống chế trong nửa đầu năm 2020, nền kinh tế sẽ phục hồi trở lại với mức tăng trưởng 6,8% trong năm 2021 và nền kinh tế sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong trung và dài hạn.

- **WB:** Mặc dù viễn cảnh nền kinh tế Việt Nam vẫn thuận lợi trong trung hạn, nhưng tăng trưởng GDP năm 2020 sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 đang bùng phát trên toàn cầu. Các ngành dịch vụ (đặc biệt là du lịch, vận tải hàng không), nông nghiệp và lĩnh vực xuất khẩu của Việt Nam đều chịu ảnh hưởng lớn, trong khi ngành chế biến chế tạo cũng chịu tác động tiêu cực do các chuỗi cung ứng bị gián đoạn, dòng FDI vào Việt Nam giảm đi. Áp lực lạm phát dự báo sẽ tăng lên tạm thời, phản ánh bất định về giá lương thực, thực phẩm và nhiên liệu, cũng như khả năng bị gián đoạn thương mại. Thu nhập của nhiều hộ gia đình, kể cả ở các vùng nông thôn có thể tạm thời suy giảm, làm tăng tỷ lệ nghèo trong nửa đầu năm 2020. Bội chi ngân sách được dự báo sẽ tăng lên trong năm nay do thu ngân sách thấp hơn trong khi nhiều giải pháp tài khóa phải triển khai nhằm phần nào bù đắp tác động tiêu cực của đại dịch toàn cầu với

nền kinh tế Việt Nam.

Tăng trưởng kinh tế sẽ phục hồi mạnh trở lại từ quý III và cả năm nay Việt Nam sẽ đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 4,9%. Trong trung hạn, tăng trưởng GDP của Việt Nam dự báo sẽ hồi phục mạnh mẽ, đạt mức 7,5% năm 2021 và quanh mức khoảng 6,5% từ năm 2022 nhờ sức cầu bên ngoài được cải thiện, ngành dịch vụ được củng cố và sản xuất nông nghiệp dần được khôi phục.

- **Fitch Ratings:** Fitch dự báo, do đại dịch, tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ giảm xuống còn 3,3% vào năm 2020. Tuy nhiên, dự báo này còn chưa chắc chắn và có nguy cơ GDP còn giảm thêm, tùy thuộc vào diễn biến của đại dịch, cả ở Việt Nam và cũng như các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam. Fitch kỳ vọng kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi vào năm 2021, với mức tăng trưởng dự kiến là 7,3% khi sức cầu trong và nước dần hồi phục, xuất khẩu, du lịch và FDI tăng trở lại.

- **Oxford Economics:** Tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ giảm xuống 5,2% trong năm 2020 vì Covid-19, nhưng phục hồi trở lại 7,4% trong năm 2021.